

*

(Dự thảo)_{C02/3}

Phương châm chỉ đạo của Đại hội:

"Đoàn kết - Dân chủ - Đổi mới - Phát triển"

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHOÁ XV TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XVI, NHIỆM KỲ 2020-2025**

“Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân, đoàn kết, dân chủ, đổi mới, hội nhập đưa Lào Cai thành tỉnh phát triển của vùng Trung du, Miền núi phía Bắc”.

Phần thứ nhất

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ
TỈNH LẦN THỨ XV, NHIỆM KỲ 2015 - 2020**

Sau 30 năm tái lập tỉnh, 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, tỉnh Lào Cai đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Đảng và Nhà nước tiếp tục có nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội miền núi, biên giới. Năm năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV trong bối cảnh:

Thế giới, kinh tế thế giới phục hồi và tăng trưởng, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng; tác động mạnh mẽ, nhiều mặt của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phát triển không gian mạng và khuynh hướng chuyển nhanh sang nền kinh tế số, xã hội số.

Trong nước, sau 30 năm đổi mới, đất nước ta có sự phát triển nhanh, vững chắc và chuyển biến tích cực. Kinh tế ổn định, liên tục tăng trưởng tốc độ cao; sức cạnh tranh, tiềm lực, quy mô của nền kinh tế được nâng cao. Quốc phòng, an ninh không ngừng được củng cố; kiên quyết, kiên trì giữ vững độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Hoạt động đối ngoại, hội nhập ngày càng sâu rộng và hiệu quả. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí chuyển biến mạnh mẽ, quyết liệt, đạt kết quả nổi bật, được Nhân dân hoan nghênh, đồng tình, tin tưởng.

Trong tỉnh, những thành tựu sau 25 năm tái lập tỉnh đã tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2015 - 2020. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư toàn diện, có trọng điểm đã phát huy

hiệu quả; kinh tế tăng trưởng nhanh, văn hóa xã hội ngày càng phát triển, đối ngoại được mở rộng; quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội, biên giới ổn định. Đảng bộ, Chính quyền, Nhân dân các dân tộc Lào Cai luôn đoàn kết, thống nhất; hệ thống chính trị vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả.

Bên cạnh thuận lợi, còn nhiều khó khăn, thách thức:

Tình hình thế giới diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường. Các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống gia tăng, đan xen nhau và phức tạp hơn. Chiến tranh thương mại giữa các nước lớn, cạnh tranh nguồn lực, công nghệ giữa các nước ngày càng quyết liệt.

Kinh tế vĩ mô của nước ta phát triển chưa thật sự bền vững, nhiều vấn đề về văn hóa, xã hội, môi trường... gây bức xúc trong xã hội nhưng chậm được khắc phục. Các thế lực thù địch, phản động tăng cường âm mưu và hoạt động chống phá.

Quy mô, tiềm lực kinh tế của tỉnh còn nhỏ; biến đổi khí hậu, hạn hán, bão lũ, dịch bệnh cây trồng, vật nuôi thường xuyên xảy ra; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ và hoàn thiện; công nghệ trong sản xuất công nghiệp ở mức trung bình; nhiều xã có tỷ lệ hộ nghèo cao; đời sống của Nhân dân vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; còn chênh lệch đáng kể về thu nhập giữa khu vực đô thị và khu vực nông thôn; nguồn thu ngân sách chưa ổn định, tỷ lệ tự cân đối thấp; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu; tình hình an ninh nông thôn, tội phạm, tệ nạn xã hội tiềm ẩn các yếu tố phức tạp.

Tranh thủ thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã không ngừng nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tựu quan trọng, toàn diện, vượt mức các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV nhiệm kỳ 2015-2020 đề ra.

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Kinh tế

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp từ 16,3% xuống còn 12,5%; tăng nhanh tỷ trọng các ngành công nghiệp xây dựng từ 43,7% lên 44,5%, dịch vụ từ 40% lên 43%. Khu vực nông nghiệp, nông thôn, vùng khó khăn được tập trung nguồn lực đầu tư có chuyển biến mạnh mẽ; các khu kinh tế, du lịch, đô thị phát triển, từng bước hình thành các vùng kinh tế động lực tại thành phố Lào Cai, huyện Sa Pa, Bảo Thắng. Tiềm năng, lợi thế được khai thác hiệu quả; liên kết phát triển kinh tế với các tỉnh và giữa các ngành, lĩnh vực được đẩy mạnh. Chủ động hợp tác với các tỉnh trên tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, các tỉnh, thành phố trong khu vực và trong cả nước; liên kết phát triển du lịch vùng Tây Bắc được tăng cường; quan hệ kinh tế đối ngoại với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) được triển khai hiệu quả.

Nông nghiệp duy trì mức tăng trưởng khá, ứng dụng công nghệ cao được mở rộng, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; khu vực nông thôn chuyển biến toàn diện, mạnh mẽ

Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân tăng 6,02%/năm. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch phù hợp, giảm dần tỷ trọng ngành trồng trọt, chăn nuôi,

tăng tỷ trọng ngành lâm nghiệp, thủy sản và dịch vụ nông nghiệp. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật được chuyển giao, áp dụng ngày càng phổ biến. Chăn nuôi từng bước phát triển theo hướng tập trung, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, bảo đảm vệ sinh môi trường. Thủy sản phát triển khá, cá nước lạnh với sản lượng ổn định trở thành thương hiệu hàng hóa của tỉnh. Lâm nghiệp phát triển bền vững, vùng nguyên liệu phát triển ổn định; rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên được bảo vệ tốt gắn với phát triển du lịch; rừng cảnh quan được quy hoạch quản lý và đầu tư phát triển xây dựng đô thị xanh. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha canh tác đạt 80 triệu đồng, gấp 1,6 lần so với năm 2015, vượt 6,6% mục tiêu Đại hội, trong đó giá trị từ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 260 triệu đồng/ha. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 340.000 tấn, bằng 103% so mục tiêu Đại hội. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 56%, đạt mục tiêu Đại hội, tăng 2,7% so năm 2015, cao hơn 14% so với trung bình cả nước.

Khu vực nông thôn phát triển toàn diện, mạnh mẽ; Chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai thiết thực, hiệu quả. Kết cấu hạ tầng điện, đường, trường, trạm, thiết chế văn hóa, thể thao được tập trung đầu tư. Hoàn thành tiêu chí nông thôn mới về giao thông cho 75 xã với 2.259 km đường giao thông nông thôn được đầu tư kiên cố; 100% xã và 98% thôn, bản có đường ô tô đến trung tâm, trong đó 80% đường tới các thôn, bản được cứng hóa; 100% các xã có hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin; 100% thôn có điện lưới quốc gia, trong đó có 97% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; 95% hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Diện mạo khu vực nông thôn thay đổi nhanh, xây dựng nông thôn mới bình quân đạt 14,7 tiêu chí/xã, tăng 5,27 tiêu chí/xã so với năm 2015; toàn tỉnh có 55/143 xã hoàn thành nông thôn mới, vượt mục tiêu Đại hội.

Sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao, đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế của tỉnh; từng bước khẳng định là trung tâm luyện kim, hóa chất, phân bón của vùng và cả nước

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 36.180 tỷ đồng (giá 2010), vượt 8% mục tiêu Đại hội, gấp 2 lần so năm 2015, tăng trưởng bình quân 15,2%/năm. Cơ cấu nội ngành phát triển theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo, giảm dần tỷ trọng công nghiệp khai thác. Các dự án chế biến sâu khoáng sản được ưu tiên đầu tư, nhiều nhà máy đi vào hoạt động phát huy hiệu quả: Tuyển đồng Tả Phời, Luyện đồng Bản Qua, Phân lân nung chảy, axitphotphoric, muối phốt phát, phân bón NPK... Tiềm năng phát triển thủy điện được khai thác hợp lý, đã có 67 dự án thủy điện hoạt động với tổng công suất 1.063 MW.

Các khu, cụm công nghiệp tiếp tục được đầu tư hoàn thiện hạ tầng, hệ thống quan trắc, xử lý môi trường, đã thu hút 168 dự án đầu tư với số vốn đăng ký 25.250 tỷ đồng, trong đó 133 dự án đi vào hoạt động. Chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp của tỉnh được triển khai hiệu quả, sản xuất tiểu thủ công nghiệp phát triển, tạo nhiều sản phẩm có thương hiệu đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, phục vụ khách du lịch. Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp đạt 2.950 tỷ đồng, tăng gấp 2,4 lần so năm 2015, bình quân tăng 19,5%/năm.

Kết cấu hạ tầng, đô thị được đầu tư, phát triển khá

Quy hoạch tỉnh, ngành, lĩnh vực được thực hiện đầy đủ, tạo cơ sở để huy động nguồn lực đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng. Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch xây dựng nông thôn mới; điều chỉnh mở rộng các quy hoạch chung: Đô thị du lịch Sa Pa, thành phố Lào Cai, Khu kinh tế cửa khẩu; xây dựng quy hoạch chi tiết các khu đô thị, khu dân cư. Công tác chỉnh trang, nâng cấp đô thị được chú trọng. Toàn tỉnh có 9 đô thị: 01 đô thị loại II, 01 đô thị loại IV, 07 đô thị loại V và tương đương. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 26%.

Kết cấu hạ tầng đô thị, du lịch, cửa khẩu tiếp tục được đầu tư phát huy hiệu quả khai thác. Xây dựng trung tâm hành chính mới của các huyện Văn Bàn, Bảo Yên, Sa Pa; xây dựng các dự án đô thị, nhà ở tại thành phố Lào Cai, huyện Sa Pa, Bảo Thắng; Xây dựng huyện Sa Pa trở thành khu du lịch quốc gia mang tầm cỡ quốc tế, hoàn thành nâng cấp lên thị xã Sa Pa. Hoàn thiện các tiêu chí thành phố Lào Cai là đô thị loại I; cải tạo nâng cấp 240km quốc lộ, 251 km đường tỉnh lộ. Các công trình trọng điểm, kết nối vùng được xúc tiến mạnh mẽ: Cảng hàng không Sa Pa, đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai giai đoạn 2, đường sắt Hà Nội - Lào Cai khổ đường 1.435mm, đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai đi Sa Pa, Lai Châu, Cầu Bản Vược (Việt Nam) - Bá Sái (Trung Quốc), Cầu Phú Thịnh, Cầu Làng Giàng...

Thương mại nội địa phát triển vững chắc

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng năm 2020 đạt 28.800 tỷ đồng, bằng 101% mục tiêu Đại hội, tăng bình quân 13,3%/năm. Kết cấu hạ tầng thương mại, dịch vụ được các thành phần kinh tế đầu tư phát triển từ đô thị tới nông thôn đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng và trao đổi hàng hóa của Nhân dân, góp phần tích cực thúc đẩy sản xuất hàng hóa.

Xúc tiến thương mại được chú trọng thông qua hoạt động khảo sát thị trường, tham gia, tổ chức các hoạt động kết nối xuất nhập khẩu hàng hóa, hội chợ triển lãm trong nước và quốc tế; thực hiện các hoạt động hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Thực hiện tốt các biện pháp kiểm soát thị trường, kiềm chế lạm phát, giữ ổn định thị trường, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Khu Kinh tế cửa khẩu được mở rộng, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng, dịch vụ tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy xuất nhập khẩu hàng hóa chính ngạch

Vị trí, vai trò cửa khẩu Lào Cai là trung tâm trung chuyển, xuất nhập khẩu hàng hóa được phát huy. Khu kinh tế cửa khẩu được điều chỉnh lên 15.929,8 ha. Kết cấu hạ tầng từng bước được đầu tư đồng bộ, thiết bị hiện đại. Công tác quản lý tập trung tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh thông quan hàng hóa. Xúc tiến xây dựng khu hợp tác kinh tế biên giới Lào Cai (Việt Nam) với Hà Khẩu (Vân Nam - Trung Quốc).

Dịch vụ phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu phát triển phong phú, đa dạng, chất lượng như: Tài chính, ngân hàng, thủ tục Hải quan, tạm nhập tái xuất, logistics. Giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu tăng cao, đạt 4,6 tỷ USD, bằng mục tiêu Đại hội, bình quân tăng 16,5%/năm. Kim ngạch luôn duy trì xuất siêu, trung

bình chiếm 65-70% giá trị xuất nhập khẩu và chuyển biến tích cực theo hướng tăng cao tỷ trọng xuất nhập khẩu chính ngạch.

Du lịch phát triển nhanh, trở thành ngành kinh tế “mũi nhọn”, nổi bật với khu du lịch Sa Pa, Bắc Hà và thành phố Lào Cai

Khu du lịch quốc gia Sa Pa được phê duyệt quy hoạch tổng thể, từng bước được quy hoạch chi tiết và đầu tư hoàn thiện. Nhiều dự án du lịch quy mô lớn, chất lượng cao được đầu tư như các khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, cáp treo lên đỉnh Fansipan, các điểm du lịch cộng đồng... Các điểm đến du lịch được nhiều doanh nghiệp lớn đầu tư, phát triển sản phẩm du lịch, đến nay toàn tỉnh có 1.310 cơ sở lưu trú, 16.200 phòng nghỉ, tăng 2,15 lần so với năm 2015. Lượng khách đến Lào Cai tăng bình quân trên 21,7%/năm, tăng gấp 2,75 lần so với giai đoạn 2011-2015. Năm 2020 đón trên 5,5 triệu lượt khách, vượt 37,5% so mục tiêu Đại hội.

Hợp tác trong và ngoài nước về phát triển du lịch được mở rộng; liên kết trong hoạt động du lịch tạo những chuỗi sản phẩm du lịch và dịch vụ đồng bộ. Các di tích, di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh, các sản phẩm du lịch bản sắc được khai thác, phát triển. Nhiều dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng, Khu du lịch sinh thái, Du lịch cộng đồng đã và đang chuẩn bị đi vào hoạt động góp phần làm phong phú và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, dịch vụ du lịch. Du lịch phát triển tạo thêm nhiều việc làm, thu nhập cho Nhân dân, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Khai thác và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển đạt kết quả cao

Huy động vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tăng mạnh, tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 170,96 nghìn tỷ đồng, tăng 2,2 lần so với giai đoạn trước, bình quân tăng 11%/năm. Cơ cấu vốn đầu tư chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, tăng nhanh nguồn vốn tín dụng và vốn các thành phần kinh tế. Tỷ trọng vốn nhà nước giảm từ 27% năm 2016, xuống còn 19% năm 2020; trong giai đoạn bình quân 01 đồng vốn ngân sách nhà nước thu hút được 05 đồng vốn ngoài ngân sách nhà nước. Các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ phát triển đất của tỉnh được bổ sung nguồn đảm bảo thực hiện đầu tư, cho vay phát triển theo mục tiêu đạt hiệu quả.

Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước được lồng ghép với các nguồn vốn khác tập trung đầu tư cho công trình, dự án trọng điểm, chương trình mục tiêu quốc gia, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn. Vốn ODA đầu tư chủ yếu cho các dự án hạ tầng đô thị, giảm nghèo được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) duy trì ổn định.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng cao; cơ chế tài chính công được đổi mới, tăng quyền tự chủ cho cơ sở, đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ công

Thu ngân sách trên địa bàn năm 2020 đạt trên 10,3 nghìn tỷ đồng, gấp 1,87 lần so năm 2015, tăng bình quân 13,4%/năm, vượt 14,4% so mục tiêu Đại hội. Thu nội địa tăng cao và ổn định, bình quân đạt 15,1%/năm; trong đó thu từ thuế, phí tăng bình quân 17,2%/năm. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt trên 2.300 tỷ đồng, bình quân tăng 14%/năm, chiếm 22% tổng thu ngân sách nhà nước trên

địa bàn. Nguồn thu từ đất đạt 5.360 tỷ đồng, gấp 3,6 lần so với giai đoạn trước là nguồn lực quan trọng cho đầu tư phát triển của tỉnh.

Chi ngân sách địa phương đạt 15,6 nghìn tỷ đồng, bình quân tăng 6,88%/năm, gấp 1,39 lần so năm 2015. Cơ cấu chi ngân sách ngày càng hợp lý, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên, đảm bảo chi cho con người, an sinh xã hội và quốc phòng, an ninh. Cơ chế tài chính công tiếp tục được đổi mới, đẩy mạnh phân cấp, thực hiện phương thức đấu thầu cung cấp dịch vụ công, cơ chế đặt hàng thực hiện nhiệm vụ công đối với hội đặc thù. Bước đầu đã chuyển đổi một số đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện sang hoạt động theo luật doanh nghiệp, xã hội hóa trong giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao.

Hoạt động tín dụng bám sát mục tiêu, nhiệm vụ chính trị, đáp ứng nhu cầu về vốn cho các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

Tăng trưởng nguồn vốn bình quân 11,9%/năm, tăng trưởng dư nợ bình quân 12%/năm. Tổng dư nợ đạt 55.300 tỷ đồng, tăng 73,3% so với năm 2015, tỷ lệ nợ xấu dưới 2%. Số lượng các tổ chức tín dụng tăng nhanh, trên địa bàn có 18 ngân hàng và 02 quỹ tín dụng nhân dân, với 97 điểm giao dịch, 3.247 tổ tiết kiệm và vay vốn của ngân hàng chính sách và ngân hàng nông nghiệp.

Các thành phần kinh tế phát triển, hình thành một số loại thị trường

Các thành phần kinh tế được quan tâm phát triển, tạo cơ hội bình đẳng trong sản xuất kinh doanh, khuyến khích khởi nghiệp, sáng tạo. Hoàn thành kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đối với 09/09 doanh nghiệp, trong đó có 02 doanh nghiệp nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động ổn định. Kinh tế tư nhân phát triển khá mạnh trên tất cả các lĩnh vực ngành nghề. Toàn tỉnh có 4,6 nghìn doanh nghiệp được cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, bình quân số doanh nghiệp tăng 15%/năm, số vốn bình quân/doanh nghiệp đạt 14,6 tỷ đồng. Kinh tế tập thể phát triển ở hầu hết các địa bàn trong tỉnh, sản xuất, kinh doanh đa dạng trên nhiều lĩnh vực, ngành nghề.

Thị trường lao động, vốn, dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao phát triển nhanh. Nhiều khu đô thị, khu dân cư được xây dựng tạo quỹ đất phát triển thị trường bất động sản.

Nguyên nhân của kết quả: Thực hiện kịp thời, sáng tạo, có hiệu quả chủ trương của Trung ương về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, tập trung vào ba đột phá chiến lược. Cải cách thủ tục hành chính mạnh mẽ, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) luôn đạt thứ hạng cao trong cả nước. Môi trường đầu tư, cơ chế chính sách khuyến khích sản xuất, thu hút đầu tư thuận lợi, hấp dẫn, đồng bộ. Công tác quy hoạch được ưu tiên thực hiện, kết cấu hạ tầng quan trọng ngày càng hoàn thiện. Thu hút tối đa, quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương; khai thác tốt nguồn lực của tỉnh, quản lý chi tiêu công chặt chẽ, hợp lý, tiết kiệm giành nguồn lực cho đầu tư phát triển; huy động tốt nguồn lực xã hội đầu tư, liên kết phát triển kinh tế.

Hạn chế, khuyết điểm:

Tăng trưởng kinh tế cao nhưng chưa thực sự hiệu quả, bền vững, quy mô nền kinh tế còn nhỏ; liên kết các ngành, địa phương trong sản xuất chưa nhiều.

Trình độ công nghệ sản xuất công nghiệp thấp, sản phẩm thô, giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của sản phẩm không cao. Công nghiệp hỗ trợ, sản xuất hàng tiêu dùng và các ngành sản xuất sử dụng nhiều lao động phát triển chậm. Hiệu quả khai thác, chế biến khoáng sản chưa cao. Một số dự án đầu tư lớn triển khai chậm tiến độ đề ra. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp quy mô nhỏ, phân tán.

Việc tích tụ, tập trung đất đai, góp vốn từ đất, tham gia liên kết sản xuất còn nhiều khó khăn. Tập quán sản xuất nông nghiệp quy mô hộ gia đình còn mang tính tự phát, các sản phẩm chủ yếu bán thô, giá trị thấp, chưa có nhiều sản phẩm được đăng ký thương hiệu, chứng nhận sản xuất an toàn. Sản xuất nông nghiệp hàng hóa, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có chất lượng với quy mô lớn chưa nhiều; nhân rộng mô hình có hiệu quả vào sản xuất đại trà còn hạn chế. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi chậm, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn nhiều khó khăn.

Kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị, giao thông, du lịch tuy đã được cải thiện song vẫn còn thiếu, nhất là khu vực nông thôn. Một số dự án đầu tư chậm tiến độ: Đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai đi Sa Pa, đường kết nối cao tốc đi Lai Châu, Cảng hàng không Sa Pa... Chưa thực hiện được mục tiêu phát triển thêm khu công nghiệp; chưa thu hút được sự tham gia của các thành phần kinh tế ngoài nhà nước đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp.

Hạ tầng thương mại còn thiếu. Xuất nhập khẩu không ổn định, sản phẩm xuất khẩu của tỉnh chưa nhiều, số lượng nhỏ. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là nguyên liệu thô giá trị gia tăng thấp.

Tốc độ phát triển du lịch cao nhưng hiệu quả kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế về tài nguyên du lịch của tỉnh. Sản phẩm du lịch chưa phong phú, công tác quản lý, chất lượng dịch vụ, nguồn nhân lực du lịch chưa đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch bền vững.

Thị trường về tài chính chưa phát triển, thị trường lao động chưa cân đối cung cầu, thị trường bất động sản không ổn định. Doanh nghiệp quy mô chủ yếu nhỏ và vừa, công nghệ sản xuất, trình độ quản trị chưa đáp ứng yêu cầu. Thu hút FDI còn khó khăn.

Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm: Vai trò điều tiết của nhà nước trong xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển công nghiệp còn hạn chế. Chính sách thu hút đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn chưa đủ mạnh; sản xuất nông nghiệp ở vùng cao khó khăn, lợi nhuận thấp, độ rủi ro cao. Nhận thức của một bộ phận cán bộ và Nhân dân về sản xuất hàng hóa, về nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả, về đổi mới hình thức tổ chức sản xuất chưa tích cực. Thiếu nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng. Hợp tác thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu qua cửa khẩu, hoạt động biên mậu chưa chủ động; hiệu quả xúc tiến thương mại chưa cao. Quản lý nhà nước đối với một số lĩnh vực: Đất đai, tài nguyên khoáng sản, quy hoạch, đô thị, du lịch, dịch vụ chưa được thực hiện tốt.

2. Giáo dục, đào tạo, nguồn nhân lực; khoa học, công nghệ

Giáo dục - đào tạo tiếp tục đổi mới, phát triển

Sự nghiệp giáo dục, đào tạo đạt được nhiều kết quả quan trọng, nhiều chỉ tiêu đạt cao so với các tỉnh trong khu vực. Phổ cập giáo dục tiếp tục được củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng: Toàn tỉnh cơ bản đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học cấp độ 3; tỷ lệ học sinh trung học cơ sở lên học trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, học nghề đạt 80%. Chất lượng công tác xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ được nâng lên; toàn tỉnh có 151 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15-60 đạt trên 94,4%. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được tăng cường về số lượng, chuẩn hóa về chất lượng, 100% giáo viên đạt chuẩn trở lên, tỷ lệ đảng viên ngành giáo dục đạt 44%.

Mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo được sắp xếp phù hợp theo hướng tinh gọn đầu mối, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng dạy và học. Cơ sở vật chất trường, lớp học, nhà công vụ cho giáo viên và nhà ở bán trú, nhà bếp, nhà vệ sinh cho học sinh được quan tâm đầu tư. Trường học đạt chuẩn Quốc gia tiếp tục tăng, đạt 62,5%, vượt 8,5% so với mục tiêu Đại hội. Giáo dục vùng cao được tập trung chỉ đạo, hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú tiếp tục phát triển, trở thành nòng cốt của giáo dục vùng cao. Giáo dục thường xuyên mở rộng quy mô, đa dạng hóa loại hình đào tạo đáp ứng nhu cầu người học. Xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh. Hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập có nhiều chuyển biến tích cực. Hoàn thành sáp nhập Trường Cao đẳng Sư phạm Lào Cai vào Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai.

Nguồn nhân lực phát triển khá

Nguồn nhân lực tăng nhanh về số lượng, đa dạng cơ cấu, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Các cơ sở dạy nghề mở rộng quy mô, đa dạng loại hình đào tạo, nâng cao chất lượng theo hướng xã hội hóa. Sắp xếp, kiện toàn trung tâm dạy nghề các huyện, hợp nhất các trường chuyên nghiệp thành Trường Cao đẳng Lào Cai. Chú trọng đào tạo nghề cho đối tượng tái định cư, người nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động cho các khu công nghiệp và ngành du lịch, dịch vụ. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 55% năm 2015 lên 65% năm 2020, trong đó đào tạo nghề tăng từ 43,1% lên 55%; cơ cấu lao động chuyển dịch mạnh từ khu vực nông nghiệp nông thôn sang khu vực thương mại, dịch vụ, công nghiệp.

Khoa học - công nghệ được chú trọng ứng dụng, tạo nguồn lực trong phát triển của tỉnh

Hoạt động khoa học và công nghệ được đẩy mạnh, gắn nghiên cứu với ứng dụng. Trên 80% đề tài khoa học được triển khai áp dụng vào thực tế, nghiên cứu, lựa chọn thành công nhiều giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao. Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa được quan tâm. Hợp tác về khoa học và công nghệ với các trường đại học và các viện nghiên cứu được đẩy mạnh; ứng dụng khoa học kỹ thuật được tập trung vào sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản, khoáng sản.

Công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ vừa là công cụ, vừa là nguồn lực trong cải cách hành chính và phát triển các lĩnh vực kinh tế, xã hội của tỉnh. Hạ tầng thông tin cấp tỉnh được đầu tư tương đối đồng bộ, hiện đại và mở rộng đến cấp xã, trường học. Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong quản lý,

chỉ số sẵn sàng phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh (ICT Index) luôn xếp ở thứ hạng cao so với các tỉnh trong cả nước.

Nguyên nhân của kết quả: Giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực luôn được sự quan tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Đã tạo liên kết giữa cơ sở đào tạo nghề với doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh; đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm. Bước đầu thu hút được đội ngũ cán bộ khoa học trẻ, có trình độ và sự liên kết, hợp tác của các cơ sở nghiên cứu khoa học trong việc triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hình thành liên kết bốn nhà “Nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông” trong phát triển kinh tế xã hội. Công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư phát triển, ứng dụng trong quản lý và các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

Hạn chế, khuyết điểm:

Ở một số xã vùng cao, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên, học nghề còn thấp; chất lượng giáo dục toàn diện chưa thực sự vững chắc. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế; chưa thu hút được nhân lực chất lượng cao, thiếu công nhân lành nghề, chuyên gia giỏi. Hoạt động khoa học công nghệ chưa thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội.

Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm: Nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất cho ngành giáo dục mới đáp ứng được nhu cầu tối thiểu, thường xuyên; xã hội hóa giáo dục vùng cao, đặc biệt huy động nguồn lực còn hạn chế. Thực hiện biên chế, giáo viên vùng cao theo định biên chung còn bất cập, còn thiếu giáo viên. Chính sách thu hút nhân tài triển khai chưa hiệu quả. Quản lý nhà nước, nhất là cơ chế tài chính và nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ chưa đáp ứng nhu cầu phát triển.

3. Văn hóa, truyền thông, thể thao

Phát triển văn hóa được chú trọng, luôn gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Giá trị truyền thống tốt đẹp, bản sắc của các dân tộc được gìn giữ, phát huy; giá trị văn hóa tiên tiến không ngừng được nâng cao

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở được quan tâm đầu tư phát triển và hoạt động hiệu quả. Đến năm 2020 có 60% xã, phường, thị trấn; 100% thôn bản, tổ dân phố có nhà văn hóa. Bảo tồn và phát huy tốt di sản văn hóa các dân tộc, các tri thức bản địa; sưu tầm, phục dựng, hoàn thiện nhiều di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh được bảo vệ, tôn tạo góp phần giáo dục truyền thống và tạo ra các sản phẩm mới phục vụ phát triển du lịch.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” đi vào chiều sâu, gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển, khơi dậy nhiều giá trị nhân văn trong cộng đồng, phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam. Hương ước, quy ước của các thôn, bản với các tiêu chí văn hóa phù hợp đã thúc đẩy xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, ấm no, hạnh phúc; cộng đồng dân cư đoàn kết, môi trường văn hóa lành mạnh. Tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, bất bình đẳng giới, bạo lực gia đình, phụ nữ đi

khỏi địa phương được tập trung giải quyết. Toàn tỉnh có 83% số hộ gia đình; 76% thôn, làng, tổ dân phố; 95% cơ quan, đơn vị; 80% doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

Văn hóa doanh nhân đồng hành với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được đẩy mạnh. Nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, văn hóa công sở được quan tâm thực hiện; quản lý và tổ chức tốt các lễ hội, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc.

Hoạt động văn học, nghệ thuật được khích lệ; báo chí phát triển mạnh, chất lượng được nâng lên

Văn học, nghệ thuật tiếp tục phát triển, sản phẩm phong phú, đa dạng phản ánh chân thực, sinh động cuộc sống lao động và bản sắc văn hóa các dân tộc Lào Cai. Các loại hình báo chí phát triển mạnh theo xu thế hiện đại, nội dung và hình thức ngày càng phong phú, hấp dẫn, bảo đảm chất lượng, bám sát nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Hệ thống thông tin truyền thông cơ sở được rà soát, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động. Thông tin đối ngoại được đổi mới, nâng cao hiệu quả quảng bá hình ảnh Lào Cai với bạn bè trong và ngoài nước.

Thể thao thành tích cao, các môn thể thao dân tộc được chú trọng; phong trào thể dục thể thao quần chúng được duy trì và có bước phát triển

Mô hình các câu lạc bộ thể dục, thể thao phát huy hiệu quả, thu hút 35% dân số tham gia luyện tập thường xuyên góp phần nâng cao chất lượng dân số, xây dựng lối sống lành mạnh trong Nhân dân. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thể thao được quan tâm xây dựng. Công tác huấn luyện đào tạo và phát triển thể thao thành tích cao được đổi mới theo hướng chuyên nghiệp, đạt kết quả cao so với giai đoạn trước, đã có vận động viên đạt huy chương khu vực và châu lục. Một số môn thể thao đã đạt trình độ cao so với trong nước và đóng góp nhiều vận động viên xuất sắc cho các đội tuyển quốc gia.

Nguyên nhân của kết quả: Nhận thức về vai trò văn hóa được nâng lên. Đầu tư phát triển văn hóa, truyền thông được coi trọng, luôn gắn kết chặt chẽ với các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Các thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư khá đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Phương pháp tổ chức phát triển văn hóa, thể thao được đổi mới phù hợp thực tế.

Hạn chế, khuyết điểm:

Tập tục lạc hậu trong Nhân dân chậm được thay đổi, một số di sản văn hóa phi vật thể, nét đẹp văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một. Thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở còn thiếu, chưa được sử dụng hiệu quả. Tỷ lệ cán bộ, người dân đọc báo Đảng và các loại ấn phẩm văn hóa còn thấp. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, các danh hiệu về văn hóa ở một số nơi còn hình thức. Thiếu các khu vui chơi giải trí công cộng để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân, nhất là trẻ em. Công tác quản lý di tích của một số địa phương còn buông lỏng dẫn đến hiện tượng xâm phạm di tích, danh thắng. Một số di tích lịch sử cách mạng chưa được quan tâm, phát huy giá trị.

Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm: Các chính sách phát triển văn hóa, thể thao cho vùng cao, vùng khó khăn chưa thực sự đồng bộ. Ngân sách đầu tư cho phát triển văn hóa còn thấp, chưa tương xứng với phát triển kinh tế. Xã hội hóa

trong lĩnh vực văn hóa, thể thao chưa thu hút được sự quan tâm của xã hội và doanh nghiệp. Nhận thức của một số cấp uỷ, chính quyền địa phương về vai trò, tầm quan trọng của văn hóa đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế. Tập tục lạc hậu, những mặt trái của kinh tế thị trường tác động tiêu cực đến phát triển văn hóa.

4. Thực hiện tiến bộ, công bằng và an sinh xã hội

Công tác giảm nghèo được xác định là nhiệm vụ chính trị trọng yếu, được ưu tiên nguồn lực, thực hiện đồng bộ, đạt kết quả cao

Chương trình giảm nghèo được thực hiện hiệu quả, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 34,3% năm 2016 xuống còn 8,46% năm 2020, bình quân giảm 5,17%/năm, đạt 147,7% so với mục tiêu Đại hội, xếp hạng nghèo của Lào Cai vươn lên 5 bậc, từ tỉnh có hộ nghèo cao đứng thứ 6/63 tỉnh, thành phố, đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo Lào Cai xếp thứ 11/63 tỉnh, thành phố.

Giải quyết việc làm gắn với xóa đói giảm nghèo và thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội đạt hiệu quả thiết thực

Công tác hướng nghiệp, tư vấn, hỗ trợ giải quyết việc làm, nhất là ở nông thôn và vùng khó khăn được đẩy mạnh, từng bước thay đổi tư duy, nhận thức của gia đình, xã hội về hướng nghiệp học nghề. Chuyển hướng đào tạo từ cung sang cầu thị trường lao động. Xây dựng mối quan hệ cung cầu lao động giữa cơ sở đào tạo nghề và doanh nghiệp; giữa lao động địa phương thực hiện chương trình dự án giảm nghèo và tổ chức sử dụng lao động.

Chính sách xã hội được bảo đảm, nâng cao phúc lợi, giải quyết tốt các vấn đề xã hội

Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chính sách an sinh xã hội được bảo đảm; các chính sách dân tộc phát huy hiệu quả. Điều kiện, tiêu chuẩn, mức trợ cấp xã hội ngày càng được mở rộng và nâng lên. Chế độ, chính sách ưu đãi đối với người có công, chính sách trợ giúp xã hội được giải quyết kịp thời. Các mục tiêu Quốc gia về bình đẳng giới được triển khai thực hiện tốt; vị thế, vai trò của phụ nữ ngày càng được khẳng định trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được triển khai quyết liệt đồng bộ, cai nghiện ma túy có nhiều chuyển biến tích cực với nhiều giải pháp, mô hình mới. Mô hình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone hoạt động hiệu quả. Tự do tôn giáo, tín ngưỡng được tôn trọng, hoạt động đúng quy định của pháp luật.

Chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được nâng lên

Mạng lưới y tế phát triển từ tỉnh đến thôn bản; cơ sở vật chất, trang thiết bị được tăng cường đầu tư. Xây dựng mới các Bệnh viện: Sản nhi, Nội tiết, Y học cổ truyền; xây mới, cải tạo nâng cấp các bệnh viện tuyến huyện: Bệnh viện đa khoa thành phố Lào Cai, huyện Sa Pa, Bảo Thắng, Si Ma Cai, Văn Bàn; xây mới 50 trạm y tế, 100% các xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 99%. Bảo vệ, chăm sóc trẻ em đạt nhiều kết quả, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 18%, giảm 1,9% so năm 2015. Số bác sỹ trên 01 vạn dân đạt 12,3; giường bệnh trên 01 vạn dân đạt 41,1; tỷ lệ

tăng dân số tự nhiên còn 1,2% bảo đảm duy trì mức sinh thay thế, đạt mục tiêu Đại hội.

Nguyên nhân của kết quả: Hệ thống chính sách xã hội ngày càng đồng bộ, sát với thực tiễn; chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và chương trình giảm nghèo bền vững được triển khai hiệu quả. Chính sách hỗ trợ công tác đào tạo chuyên giao kỹ thuật, hỗ trợ công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng cho trẻ em, hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo tiếp tục phát huy hiệu quả.

Hạn chế, khuyết điểm:

Giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ cận nghèo cao, tiềm ẩn tái nghèo lớn, hộ nghèo chủ yếu là dân tộc thiểu số chiếm trên 95% hộ nghèo. Tư tưởng tự vươn lên thoát nghèo, làm giàu của một bộ phận dân cư chưa cao. Công tác dạy nghề, giới thiệu việc làm ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, việc làm không ổn định. Công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em ở một số nơi còn yếu. Cơ chế tự chủ về tài chính, biên chế trong lĩnh vực y tế chậm được triển khai; chính sách thu hút bác sỹ chưa được thực hiện hiệu quả. Số bác sỹ ở tuyến xã và bác sỹ có chuyên môn cao ở bệnh viện còn thiếu. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn cao.

Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm: Cơ chế quản lý lĩnh vực xã hội thiếu đồng bộ, thiếu sự liên kết giữa các chính sách. Tổ chức bộ máy ngành y tế còn bất cập, nguồn lực đầu tư có hạn, năng lực quản lý ngành chủ yếu mới đáp ứng về chuyên môn, thiếu cán bộ quản lý. Tập tục lạc hậu tại một số địa phương vùng cao đã ảnh hưởng đến việc giảm tỉ lệ hộ nghèo, trẻ suy dinh dưỡng.

5. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Quản lý tài nguyên, đất đai được tăng cường

Công tác lập quy hoạch sử dụng đất đến 2020, kế hoạch sử dụng đất hàng năm được triển khai thực hiện bảo đảm quy định. Quỹ đất công được rà soát, thống kê đầy đủ, quản lý chặt chẽ. Tiềm năng đất đai được khai thác sử dụng khá hiệu quả, chủ động, tạo nguồn lực xây dựng nông thôn mới và đóng góp quan trọng cho đầu tư phát triển của tỉnh. Quản lý quy hoạch, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản được thực hiện đúng quy định pháp luật và định hướng phát triển công nghiệp. Hoàn thành việc rà soát quy hoạch khoáng sản, kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa sử dụng; thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản, quản lý khai thác khoáng sản chủ yếu đáp ứng nhu cầu sản xuất trong nước.

Bảo vệ môi trường đạt kết quả bước đầu

Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường được tăng cường, nhất là ở các khu công nghiệp, đô thị. Đầu tư, đưa vào hoạt động hiệu quả nhà máy xử lý rác thải, nước thải tại thành phố Lào Cai; xử lý nước thải ở khu công nghiệp Tầng Loong; 100% các bệnh viện xử lý rác thải đúng quy định. Các nhà máy tại Khu công nghiệp Tầng Loong đã hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng, thiết bị xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, trạm quan trắc khí thải tự động. Xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được phân loại, thu gom và xử lý đạt 95%; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải khu vực nông thôn đạt 81% bằng 108% mục tiêu Đại hội; 100% các khu, công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Ứng phó với biến đổi khí hậu được quan tâm, hạn chế thiệt hại do thiên tai, nguy cơ hoang mạc hóa

Đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc tài nguyên nước, giám sát về lưu lượng, chất lượng của một số sông suối, tầng chứa nước dưới đất trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành 50% việc cấm mốc bảo vệ hành lang nguồn nước, hoàn thành 100% khoanh vùng, khu vực ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước ngầm.

Thực hiện hiệu quả công tác cảnh báo thiên tai, chủ động phòng chống thiên tai, sắp xếp dân cư ra khỏi vùng nguy hiểm. Diện tích rừng, tán che phủ tăng, chủ động chuyển đổi cây trồng hạn chế nguy cơ hoang mạc hóa. Các loài động vật, thực vật, giống cây trồng có giá trị được bảo vệ, bảo tồn.

Nguyên nhân của kết quả: Nhận thức về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được nâng lên. Nguồn lực thực hiện các nghị quyết, các đề án về công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường được các cấp, các ngành quan tâm, đảm bảo. Quy hoạch sử dụng đất, thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai được công khai, minh bạch.

Hạn chế, khuyết điểm:

Chất lượng quy hoạch sử dụng đất chưa đồng bộ với các quy hoạch chuyên ngành, tính kết nối liên vùng, liên tỉnh. Thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, quản lý sử dụng đất đai còn phức tạp, khó thực hiện. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng phát sinh khiếu kiện, vi phạm quy định pháp luật. Việc triển khai đo đạc lập bản đồ, hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn chậm. Công tác kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Việc xử lý chất thải trong hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp chưa được kiểm soát chặt chẽ, toàn diện theo quy định. Vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường còn xảy ra ở một số địa phương, chưa được khắc phục triệt để. Hoạt động cảnh báo thiên tai còn hạn chế.

Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm: Quy định pháp luật về đất đai chồng chéo, quản lý nhà nước về đất đai của các cấp còn yếu. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số địa phương cũng như phối hợp quản lý giữa các ngành, các cấp thiếu chặt chẽ. Đội ngũ cán bộ, công chức còn bất cập về trình độ, năng lực, phẩm chất. Nguồn lực cho bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu còn hạn chế, chưa có chính sách phù hợp khuyến khích xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường, ứng dụng công nghệ thân thiện, nghiên cứu phát triển sản xuất sạch hơn. Một số địa phương chưa thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, chưa sử dụng.

6. Quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Quốc phòng, an ninh được giữ vững, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, luôn chủ động trong mọi tình huống

Chất lượng, hiệu quả xây dựng tiềm lực quân sự, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc được nâng cao; luyện tập, diễn tập khu vực phòng thủ sát thực tế.

Thực hiện thống nhất quan điểm kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc được đẩy mạnh; thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân được củng cố ngày càng vững mạnh.

Khu kinh tế quốc phòng hoạt động hiệu quả, các công trình quốc phòng được chú trọng đầu tư. Sắp xếp, ổn định dân cư biên giới góp phần giữ vững biên giới, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Lực lượng vũ trang được xây dựng theo hướng chính quy, hiện đại, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu, tích cực tham gia các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm

Sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị với vai trò nòng cốt của lực lượng Công an trong việc bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn được phát huy. Bảo đảm an ninh trên tuyến biên giới, bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị trên địa bàn tỉnh. Đấu tranh hiệu quả với các hoạt động tuyên truyền thành lập nhà nước riêng; ngăn chặn hiệu quả hoạt động tuyên truyền tôn giáo trái pháp luật, các tà đạo, đạo lạ, hoạt động lợi dụng tranh chấp, khiếu kiện vi phạm pháp luật. Không để hình thành các “điểm nóng”, an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước được bảo đảm.

Đấu tranh có hiệu quả, kiềm chế sự gia tăng của tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội, tỷ lệ điều tra, phá án đạt trên 89%, trong đó án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt 100%; công tác điều tra, xử lý tội phạm không để oan, sai và vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp. Quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, được tăng cường.

Hoạt động đối ngoại được mở rộng, hợp tác quốc tế được tăng cường toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hóa - xã hội

Phương châm “đa phương hóa, đa dạng hóa” các quan hệ, hợp tác quốc tế trở thành định hướng đối ngoại lớn của tỉnh. Quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Lào Cai với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) được nâng lên tầm cao mới, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; hợp tác với vùng Nouvelle Aquitaine (Cộng hòa Pháp), quan hệ với các địa phương nước ngoài, các vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế được mở rộng, là đối tác tin cậy của các nhà đầu tư và các nhà tài trợ quốc tế. Hợp tác với các địa phương trong nước với các nội dung ký kết cụ thể, thiết thực, phát huy lợi thế cùng phát triển.

Nguyên nhân của kết quả: Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác quốc phòng, an ninh và lực lượng vũ trang. Công tác quốc phòng, an ninh được coi trọng, huy động được sức mạnh của hệ thống chính trị và Nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn. Chủ động đánh giá và dự báo đúng tình hình, tình huống phát sinh để triển khai kịp thời các biện pháp xử lý hiệu quả. Xác định đúng những tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, chủ động, sáng tạo triển khai hoạt động hợp tác quốc tế trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa.

Hạn chế, khuyết điểm:

Còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp về an ninh biên giới, an ninh trong vùng dân tộc, tôn giáo. Hoạt động xuất, nhập cảnh trái phép, tuyên truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện, tội phạm, vi phạm pháp luật, tai nạn, tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp. Xử lý, giải quyết một số vấn đề, vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự tại cơ sở còn lúng túng. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia” chưa toàn diện, chưa thực sự sâu rộng. Triển khai thực hiện các nội dung thỏa thuận đã ký kết với một số tỉnh, thành phố trong nước, với các địa phương nước ngoài chưa thường xuyên, kết quả chưa toàn diện.

Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm: Năng lực quản lý chưa theo kịp giải quyết các vấn đề xã hội phát sinh. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật ở một số địa bàn chưa sâu rộng, chưa được cụ thể, sát thực tế từng địa phương. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, sự vào cuộc của một số cấp ủy chưa kịp thời. Thiếu cán bộ có trình độ, kiến thức đáp ứng yêu cầu công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

7. Sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy, quyền làm chủ của Nhân dân được bảo đảm

Khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố, mở rộng và tăng cường. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong tuyên truyền, vận động Nhân dân, đoàn viên, hội viên tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua đem lại hiệu quả thiết thực.

Tổ chức thực hiện giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền các cấp trong sạch vững mạnh được tích cực thực hiện, từng bước đổi mới. Các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp và đội ngũ doanh nhân phát huy tinh thần, ý thức trách nhiệm, đổi mới phương thức hoạt động, tích cực tham gia các chương trình xã hội, xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, chương trình vì cộng đồng.

Quy chế dân chủ ở cơ sở được thực hiện bảo đảm quyền và nghĩa vụ công dân. Xây dựng và triển khai thực hiện các quy định của khu dân cư đã nâng cao năng lực tham gia quản lý xã hội của Nhân dân. Phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” được cụ thể hóa trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa cán bộ chủ chốt cấp ủy, chính quyền các cấp với Nhân dân trở thành nền nếp.

Hoạt động phối hợp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội với các cơ quan quản lý nhà nước hướng nhiều đến giải quyết các vấn đề dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội, phát huy dân chủ, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội.

Nguyên nhân của kết quả: Vai trò, vị trí của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã được phát huy; nội dung và phương thức hoạt động được đổi mới theo hướng thiết thực, hướng mạnh về cơ sở, đa dạng hoá hình thức tập hợp. Năm vững nghị quyết của Đảng để cụ thể hóa các biện pháp thực hiện sát thực

tiên. Thực hiện cải cách hành chính, khắc phục tình trạng hành chính hóa trong các cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

Hạn chế, khuyết điểm:

Việc nắm bắt, phản ánh tư tưởng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân có lúc chưa thường xuyên; phối hợp giải quyết một số vấn đề, vụ việc phát sinh trong Nhân dân có nơi chưa chủ động. Tổ chức và hoạt động của thanh tra nhân dân, giám sát đầu tư cộng đồng ở một số địa phương hiệu quả chưa cao. Hoạt động của một số tổ chức đoàn thể ở cơ sở chưa thiết thực, thiếu tích cực. Công tác giám sát và phản biện xã hội chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là phản biện về các cơ chế, chính sách của tỉnh.

Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm: Lực lượng nòng cốt trong từng tổ chức có nơi còn yếu, trình độ năng lực của một số cán bộ hạn chế, chưa tự giác học tập, rèn luyện để nâng cao nghiệp vụ công tác. Công tác phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể với chính quyền chưa toàn diện. Việc tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện một số chính sách thực hiện chưa tốt; xây dựng và nhân rộng các mô hình điểm chưa được quan tâm đúng mức.

8. Xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, hoạt động tư pháp

Xây dựng chính quyền các cấp ngày càng vững mạnh, hiệu lực và hiệu quả

Thực hiện thành lập thị xã Sa Pa, điều chỉnh địa giới mở rộng thành phố Lào Cai, sáp nhập 19 xã tại 7 huyện thành phố, đơn vị hành chính cấp xã giảm từ 164 xuống còn 152, trong đó: xã 127, phường 16, thị trấn 09; thực hiện sáp nhập thôn, tổ dân phố, giảm từ 2.205 thôn, tổ dân phố còn 1.578 thôn, tổ dân phố.

Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện tốt chức năng là cơ quan quyền lực của Nhà nước ở địa phương, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân; triển khai có hiệu quả công tác giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Hiệu lực, hiệu quả điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp được nâng cao, bảo đảm tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết của cấp ủy, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp. Tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động; chính quyền cơ sở được kiện toàn, đội ngũ cán bộ công chức cấp xã được chuẩn hóa; cán bộ không chuyên trách được rà soát tổ chức lại theo chế độ kiêm nhiệm, giảm số người, nâng cao chất lượng, chế độ, chính sách được bảo đảm.

Công tác cải cách hành chính được thực hiện đồng bộ, toàn diện, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

Công tác cải cách hành chính đã được triển khai thực hiện đồng bộ giữa các cơ quan khối Đảng, đoàn thể với các cơ quan khối nhà nước. Xây dựng, ban hành các bộ thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc trong các cơ quan Đảng, đoàn thể cấp tỉnh; thí điểm ban hành bộ thủ tục hành chính cơ quan Đảng - đoàn thể cấp huyện. Thực hiện hiệu quả mô hình một cửa liên thông, 100% các cơ quan cấp tỉnh, các huyện, thành phố, các xã, phường thị trấn thực hiện một cửa theo hướng điện tử, hiện đại. Thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai.

Hoàn thành xây dựng vị trí việc làm, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị. Cơ bản hoàn thành tinh giản 10% biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, khối Nhà nước tinh giản được 3.356/32.358 biên chế, đạt trên 10%; khối Đảng, đoàn thể tinh giản và cắt giảm biên chế 117 người đạt 10,09%.

Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập 462/778 đơn vị, bằng 59,3%.

Triển khai đồng bộ trên diện rộng các phần mềm dùng chung, triển khai ứng dụng chữ ký số, các phần mềm phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp. Hạ tầng công nghệ thông tin tiếp tục được đầu tư đồng bộ, 100% cơ quan nhà nước từ tỉnh đến huyện có mạng nội bộ (LAN) và được kết nối mạng diện rộng và kết nối Internet. Trên 80% văn bản đã được ký số, trên 90% văn bản được thực hiện song song văn bản giấy và văn bản điện tử.

Chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo được nâng cao

Trách nhiệm của người đứng đầu các cấp trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được chú trọng. Cơ bản các đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân đã được xem xét, giải quyết đúng quy định của pháp luật, nhiều ý kiến của người dân được giải quyết ngay từ cơ sở. Các vụ việc còn tồn đọng kéo dài được rà soát, giải quyết không phát sinh những diễn biến phức tạp.

Đối thoại, vận động, thuyết phục công dân là phương thức thường xuyên được thực hiện; kịp thời nắm bắt tình hình, giải quyết, tháo gỡ bức xúc của Nhân dân, hạn chế khiếu nại đông người, vượt cấp. Tập trung chỉ đạo giải quyết các vụ việc phức tạp, bảo đảm quyền lợi người dân, giữ nghiêm kỷ cương, pháp luật. Trụ sở tiếp công dân các cấp được đầu tư hoàn thiện, đạt tiêu chuẩn; Ban, bộ phận tiếp công dân các cấp, các cơ quan được củng cố, kiện toàn.

Cải cách tư pháp tiếp tục được đẩy mạnh

Công tác cải cách tư pháp được triển khai thực hiện đồng bộ, ngày càng đi vào chiều sâu và có chuyên biến mạnh mẽ. Các cơ quan tư pháp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, tích cực phối hợp tham mưu cho cấp ủy, chính quyền giải quyết tốt các vụ việc nổi cộm, phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương. Chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp chuyên biến tích cực, các hoạt động hỗ trợ tư pháp được chú trọng. Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự, nhất là các vụ án kinh tế, tham nhũng được nâng cao. Các vụ án được giải quyết bảo đảm tinh thần thượng tôn pháp luật, xử lý nghiêm minh, không để kéo dài, không bỏ lọt tội phạm, không để oan, sai. Công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử các vụ việc, vụ án về tham nhũng, lãng phí được đẩy mạnh.

Nguyên nhân của kết quả: Cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm được thực hiện toàn diện trong hệ thống chính trị; chính quyền các cấp không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Hoạt động tư pháp luôn đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng; cải cách tư pháp được quan tâm, năng lực thực

thi công vụ của cán bộ tư pháp được cải thiện. Ý thức pháp luật của người dân được nâng lên.

Hạn chế, khuyết điểm:

Kỷ cương, kỷ luật hành chính còn yếu. Công tác kiểm tra, giám sát và xử lý sau thanh tra chưa triệt để, quyết liệt. Công tác tự kiểm tra nội bộ nhằm phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng và các sai phạm về kinh tế trong các cơ quan, đơn vị còn hạn chế. Thực hiện dịch vụ công mức 3, mức 4 còn thấp; tỷ lệ thủ tục hành chính liên thông giữa các cấp chưa đáp ứng được yêu cầu. Khiếu kiện đông người, vượt cấp và một số vụ việc phức tạp kéo dài xảy ra, tiến độ giải quyết chậm. Một số cấp ủy đảng chưa khẳng định vai trò lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách tư pháp và công tác tư pháp. Công tác điều tra, truy tố, xét xử còn một số vụ án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần; một số vụ án bị hủy do vi phạm thủ tục tố tụng. Công tác thi hành án gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, điều kiện thi hành.

Nguyên nhân khuyết điểm hạn chế: Chưa có biện pháp đủ mạnh để xử lý cán bộ, công chức thiếu trách nhiệm khi thực thi công vụ. Một số cơ quan, đơn vị còn thiếu trách nhiệm trong giải quyết khiếu nại, tố cáo. Việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng có lúc, có nơi chưa tích cực. Một số cấp ủy chưa thực sự quan tâm trong kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan tư pháp, tổ chức hỗ trợ tư pháp. Sự phối hợp của các cơ quan tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử một số vụ án nghiêm trọng, phức tạp, được dư luận đặc biệt quan tâm còn chậm. Các cơ quan tư pháp khó khăn về nguồn cán bộ, không thu hút được người có trình độ chuyên môn cao. Công tác quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ còn hạn chế.

9. Công tác xây dựng Đảng được thực hiện toàn diện, đồng bộ, quyết liệt có hiệu quả

Công tác tư tưởng chính trị được tăng cường, đổi mới

Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn được tăng cường, đổi mới. Chú trọng nắm bắt dư luận xã hội, tích cực đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Niềm tin của Nhân dân vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước được củng cố và tăng cường. Công tác nghiên cứu lịch sử Đảng, giáo dục truyền thống, sơ kết, tổng kết các nghị quyết của Đảng được thực hiện nghiêm túc từ cơ sở. Đã hoàn thành biên soạn Bộ Văn kiện Đảng bộ tỉnh Lào Cai toàn tập, 14/16 đảng bộ trực thuộc, 28 cơ quan, đơn vị và 111/164 xã, phường, thị trấn biên soạn xong lịch sử đảng bộ phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và giáo dục truyền thống tại địa phương.

Hoạt động của các trường, trung tâm bồi dưỡng chính trị, tuyên vận và công thông tin điện tử phát huy vai trò tích cực. Triển khai nghị quyết được đổi mới về nội dung, hình thức, phương pháp học tập. Chương trình hành động thực hiện nghị quyết bảo đảm khoa học, sát với tình hình thực tiễn. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, kiện toàn bộ máy tổ chức, cán bộ, giảng viên lý luận chính trị.

Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh có nhiều đổi mới, sáng tạo, nền nếp. Chú trọng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức học tập các chuyên đề, xây dựng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đưa nội dung học tập và làm theo Bác trở thành nhiệm vụ thường xuyên của mỗi cán bộ, đảng viên. Cụ thể hóa nội dung xây dựng Đảng về tư tưởng, đạo đức, ban hành Quy định về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; quy định học tập và làm theo Bác là một nội dung quan trọng trong chương trình, kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp và trong nhiệm vụ thường xuyên của các chi, đảng bộ cơ sở.

Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.”

Nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ từ khâu học tập, tự kiểm điểm, kiểm điểm, kiểm tra, giám sát, khắc phục tồn tại hạn chế sau kiểm điểm. Các cấp ủy đảng xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu các cấp, các ngành, cán bộ đảng viên thực hiện trách nhiệm với quyết tâm cao. Kết quả bước đầu được cán bộ, đảng viên và Nhân dân đánh giá cao, đồng tình ủng hộ.

Xây dựng hoàn thiện tổ chức bộ máy từ tỉnh đến cơ sở tinh gọn, công tác cán bộ có chuyển biến tích cực

Tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn, gắn với việc thực hiện thí điểm một số mô hình mới về tổ chức bộ máy và kiêm nhiệm chức danh để tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, góp phần làm rõ về lý luận và thực tiễn. Thực hiện Nghị quyết số 39/NQ-TW đã giảm 01 Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, sáp nhập Sở Giao thông - Vận tải với Sở Xây dựng thành Sở Giao thông - Xây dựng, giảm 03 đầu mối cơ quan cấp tỉnh, 212 đơn vị, đầu mối thuộc cấp sở, cấp huyện, 169 lãnh đạo.

Quy hoạch cán bộ được triển khai thực hiện, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, tạo thế chủ động trong công tác cán bộ. Kết quả quy hoạch cán bộ đáp ứng được yêu cầu, bảo đảm các tiêu chí quy định về cơ cấu, tiêu chuẩn tạo thuận lợi cho việc luân chuyển, điều động, bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử.

Các khâu tuyển chọn, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng và thực hiện chính sách cán bộ được triển khai đồng bộ. Việc bố trí, giới thiệu ứng cử, bổ nhiệm cán bộ được thực hiện dân chủ công khai, đúng quy định. Tổ chức thi tuyển chức danh lãnh đạo quản lý có kết quả tích cực. Luân chuyển cán bộ gắn với đào tạo được đẩy mạnh, tạo nguồn cán bộ và nâng cao năng lực cán bộ.

Cán bộ lãnh đạo quản lý, cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đáp ứng tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh lãnh

đạo quản lý. Chính sách khuyến khích đào tạo trình độ cao, ưu tiên đào tạo cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chủ động tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho địa phương.

Cấp ủy, chính quyền các cấp đã tập trung nắm chắc tình hình chính trị nội bộ trên địa bàn, đơn vị; thực hiện tốt công tác bảo vệ nội bộ trong tình hình mới, vấn đề chính trị hiện nay đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng được nâng lên

Thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng ở cơ sở. Xác định việc duy trì nền nếp, đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu trong sinh hoạt chi bộ là nhân tố có ý nghĩa quyết định vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của chi bộ. Tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng được coi trọng, dân chủ trong Đảng được phát huy.

Công tác đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hàng năm được tiến hành có nền nếp. Hằng năm, trên 90% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Công tác kết nạp đảng viên bảo đảm chất lượng, gắn với xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, quan tâm phát triển đảng viên nữ, đảng viên là đồng bào dân tộc thiểu số. Hằng năm, kết nạp bình quân 2.535 đảng viên mới, vượt mục tiêu trên 500 đảng viên. Đến nay toàn tỉnh có 14 đảng bộ trực thuộc, 07 đảng đoàn, 03 ban cán sự đảng; 669 chi, đảng bộ cơ sở, 14 Đảng bộ bộ phận, 2.923 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, 48.841 đảng viên; tỷ lệ đảng viên/dân số chiếm 6,8%, trong đó đảng viên nữ chiếm 34,35%; đảng viên là người dân tộc thiểu số chiếm 38,93%. Tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp được quan tâm phát triển, đã có 101 tổ chức cơ sở đảng, trong đó doanh nghiệp có vốn nhà nước 44, tổ chức, doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước 57 tổ chức với 2.983 đảng viên, chiếm 6,11% đảng viên toàn tỉnh.

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được coi trọng, thực hiện toàn diện, hiệu lực, hiệu quả, khắc phục tình trạng chông chéo trong kiểm tra, giám sát của Đảng và thanh tra, giám sát của Nhà nước

Chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra trong toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị được nâng cao. Kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, giám sát được mở rộng trên tất cả các lĩnh vực; giảm thiểu chông chéo về nội dung, đối tượng, tạo sự chuyển biến tích cực về tư tưởng, nhận thức, hành động trong toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị đối với công tác kiểm tra, giám sát. Chú trọng kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, công tác tổ chức cán bộ, các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy, gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII. Xem xét, kết luận và xử lý kỷ luật kịp thời các trường hợp vi phạm theo quy định. Thường xuyên quan tâm củng cố, kiện toàn ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp.

Trong nhiệm kỳ, cấp ủy, các cơ quan tham mưu giúp việc cho cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra đối với 5.869 lượt tổ chức đảng và

5.077 đảng viên; giám sát chuyên đề đối với 2.812 lượt tổ chức đảng và 4.966 đảng viên; thi hành kỷ luật đối với 04 tổ chức đảng và 560 đảng viên; xem xét, giải quyết tố cáo, khiếu nại đối với 03 tổ chức đảng và 40 đảng viên.

Công tác dân vận đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động

Quy chế dân chủ ở cơ sở được triển khai sâu rộng, đi vào nề nếp. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở từng bước thực hiện có hiệu quả, có chiều sâu, tác động tích cực đến công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng. Thực hiện tốt công tác tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với Nhân dân; toàn tỉnh đã tổ chức 1.998 cuộc tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với Nhân dân với hàng chục ngàn lượt ý kiến liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân được cấp ủy, chính quyền các cấp chỉ đạo giải quyết, góp giảm thiểu tình trạng đơn thư, khiếu nại tố cáo trên địa bàn tỉnh.

Công tác tuyên vận gắn với phong trào thi đua “dân vận khéo” trong xây dựng nông thôn mới được triển khai thực hiện nề nếp, hiệu quả ở 164/164 xã, phường, thị trấn. Các nội dung vận động Nhân dân thực hiện vệ sinh môi trường, thay đổi tập quán canh tác lạc hậu, làm chuồng nuôi nhốt gia súc, vận động hiến đất xây dựng các công trình phúc lợi công cộng, không tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ... đã được các tổ tuyên vận tuyên truyền, vận động Nhân dân đồng thuận thực hiện.

Công tác dân vận chính quyền các cấp có bước chuyển biến mạnh. Ủy ban nhân dân triển khai Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về “tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới” thành các quy định, kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện.

Vai trò lãnh đạo của Đảng với các cơ quan nội chính được tăng cường

Cụ thể hóa vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan nội chính trong Quy chế làm việc của Ban chấp hành. Duy trì giao ban công tác nội chính, các cơ quan nội chính định kỳ, đột xuất thực hiện chế độ báo cáo xin ý kiến Thường trực, Ban Thường vụ các vấn đề tư pháp theo thẩm quyền. Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát của cấp ủy đối với hoạt động tư pháp và cán bộ, đảng viên trong các cơ quan nội chính. Các vụ việc, vụ án nghiêm trọng, phức tạp, kéo dài được tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm, chỉ đạo phối hợp duy trì tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Công tác nội chính đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước; chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý có hiệu quả những vụ việc, tranh chấp, khiếu kiện đông người; không để các phần tử xấu lợi dụng, kích động, gây rối, làm mất ổn định chính trị. Các cơ quan nội chính phối hợp tốt trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

Nguyên nhân của kết quả: Cấp ủy các cấp chú trọng công tác xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Kế thừa những bài học kinh nghiệm của các giai đoạn trước, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, chủ động nắm bắt, đánh giá, dự báo tình hình, xác định các nhiệm vụ trọng tâm để tổ chức thực hiện. Ban hành kịp thời nhiều chỉ thị, nghị quyết, quy định về học tập và làm theo

tâm gương đạo đức Hồ Chí Minh, về tiếp xúc đối thoại với Nhân dân, tuyên vận, tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy, cải cách hành chính trong đảng và hệ thống chính trị. Phát hiện, lựa chọn đúng, trúng những vấn đề quan trọng, kịp thời phát hiện, xử lý những bất cập, lắng nghe những kiến nghị và nguyện vọng của Nhân dân, những khó khăn, bức xúc ở cơ sở để tập trung chỉ đạo, giải quyết. Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra được thực hiện thống nhất trọng tâm, trọng điểm, mở rộng trên các lĩnh vực; giảm thiểu sự chòng chéo về nội dung, đối tượng. Thực hiện tốt dân vận chính quyền, Quy chế dân chủ ở cơ sở, chú trọng công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo, đảm bảo quyền lợi của người dân theo quy định của pháp luật. Chú trọng mối quan hệ lãnh đạo, phối hợp giữa cấp ủy với chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể trong giải quyết các vấn đề liên quan đến người dân.

Hạn chế, khuyết điểm:

Chương trình hành động, học tập và triển khai thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng có nội dung, có nơi còn chung chung, hình thức; sơ kết, tổng kết có nơi còn chậm, chưa tạo chuyển biến rõ nét sau sơ kết, tổng kết.

Nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn của một số cấp ủy, cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy chưa đáp ứng yêu cầu. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị chưa thực sự gắn với thực tiễn. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh còn biểu hiện hình thức ở một số cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị. Hiệu quả tuyên truyền phòng chống tiêu cực, lãng phí và tệ nạn xã hội chưa cao. Công tác nắm bắt, đánh giá dư luận xã hội ở một số địa bàn chưa sâu sát; dự báo tình hình và xử lý có việc không kịp thời.

Đánh giá cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu; tuyển chọn, bố trí, bổ nhiệm cán bộ có trường hợp chưa đủ tiêu chuẩn. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số ít tổ chức cơ sở đảng chưa được phát huy. Phát triển tổ chức Đảng và đảng viên trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn chậm. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ có nơi chưa chặt chẽ.

Công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan chuyên trách, tham mưu giúp việc của cấp ủy các cấp có mặt chưa tốt. Một số cấp ủy, ủy ban kiểm tra chưa thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chuyên đề đối với tổ chức đảng và đảng viên, nhất là trên các lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Công tác phổ biến, hướng dẫn về nhiệm vụ kiểm tra, giám sát có nơi còn hạn chế.

Một số cấp ủy Đảng chưa thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận. Công tác tham mưu cho cấp ủy Đảng về công tác vận động quần chúng, nhất là việc nắm tình hình nhân dân, phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh ở cơ sở có lúc, có việc chưa sâu sát, chưa kịp thời. Công tác dân vận chính quyền vẫn còn những hạn chế, còn nặng về biện pháp hành chính, thiếu vận động, thuyết phục.

Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm: Một số cấp ủy chưa quan tâm chỉ đạo toàn diện công tác xây dựng Đảng. Phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể có lúc chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Còn có cán bộ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền

chưa thực sự tiên phong gương mẫu trong công việc, chưa bám sát cơ sở, năng lực cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn ngành, lĩnh vực, địa phương nơi công tác còn yếu. Việc triển khai công tác xây dựng Đảng ở một số nơi, một số việc còn lúng túng, bị động, không tích cực đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức thực hiện.

Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, trình độ năng lực của một số cán bộ còn hạn chế, nhất là cán bộ cơ sở; tác phong làm việc còn biểu hiện quan liêu, cửa quyền, nặng về biện pháp mệnh lệnh, hành chính. Định hướng tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội có lúc chưa chủ động, kịp thời. Một số Ủy ban kiểm tra chưa chủ động tham mưu cho cấp ủy thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. Nhận thức về vai trò công tác dân vận của một số cấp ủy, chính quyền chưa đầy đủ.

II. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Thành tựu, ưu điểm

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, 30 năm tái lập tỉnh gắn với thực hiện công cuộc đổi mới của đất nước, tỉnh Lào Cai đã đạt được những thành tựu vượt bậc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, là tỉnh phát triển của khu vực Tây Bắc; trong tổng số 25 mục tiêu Nghị quyết Đại hội XV có 12 mục tiêu vượt và 13 mục tiêu đạt 100%. Đây là những tiền đề quan trọng, tạo nền tảng cơ bản để Lào Cai phát triển nhanh và bền vững trong thời gian tới.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức cao, bình quân đạt 10,02%/năm. GRDP bình quân đầu người đạt 77 triệu đồng, đứng thứ 2 trong các tỉnh Trung du và Miền núi phía Bắc, ngang bằng với mức bình quân chung cả nước; cơ cấu kinh tế chuyên dịch tích cực, sản xuất công nghiệp là nền tảng tốc độ tăng trưởng cao, đạt bình quân 15,2%/năm; du lịch là mũi nhọn thu hút trên 5,5 triệu lượt khách, bình quân tăng 21,7%/năm. Kết cấu hạ tầng có bước phát triển vượt bậc, tỉnh Lào Cai có hệ thống đường giao thông phát triển kết nối với các tỉnh, khu vực, đặc biệt là đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Thành phố Lào Cai đạt đô thị loại II, đã hội tụ đủ các điều kiện lên đô thị loại I; thị xã Sa Pa hội tụ đủ các điều kiện lên đô thị loại III. Nông nghiệp nông thôn tập trung thực hiện tái cơ cấu kinh tế, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển, nâng cao năng suất lao động. Đời sống Nhân dân ngày càng được cải thiện, bộ mặt nông thôn ngày một đổi mới. Giáo dục, y tế được quan tâm đầu tư, nhiều chỉ tiêu đạt cao so với các tỉnh trong khu vực và cả nước; đời sống văn hoá, tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng lên, bản sắc văn hoá được giữ gìn, phát huy; thể dục thể thao đạt được nhiều thành tích nổi bật; các chính sách an sinh xã hội được quan tâm thực hiện đầy đủ. Lào Cai là tỉnh dẫn đầu khu vực miền núi phía Bắc về tốc độ giảm nghèo.

Quốc phòng, an ninh được củng cố, chú trọng kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện ngày càng vững chắc. Quan hệ đối ngoại được mở rộng, hoạt động đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân được kết hợp hài hòa, tạo môi trường thuận lợi để Lào Cai phát triển.

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có nhiều đổi mới, sáng tạo, luôn coi trọng tổng kết lý luận gắn với thực tiễn. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cụ thể, thiết thực, hiệu quả được sự đồng tình ủng hộ của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Cải cách hành chính được triển khai toàn diện, hiệu quả trong cả hệ thống chính trị. Sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã, sáp nhập các thôn, bản, tổ dân phố đúng tiêu chí đảm bảo tiến độ. Sắp xếp các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tinh giản biên chế đạt kết quả nổi bật.

Trong suốt quá trình phát triển, Lào Cai luôn đặt trong mối liên hệ với Vùng và cả nước, khẳng định vị trí, vai trò cầu nối, phát huy tốt lợi thế, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của Khu vực. So với năm 1991 quy mô GRDP năm 2020 gấp 74 lần, GRDP bình quân đầu người gấp 152 lần, sản lượng lương thực bình quân/người gấp 3,7 lần, 100% số trẻ trong độ tuổi được đến trường, 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 10%; an ninh biên giới, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm và giữ vững.

Nguyên nhân thành tựu, ưu điểm: Trung ương, các bộ ngành, các địa phương trong cả nước luôn quan tâm ủng hộ, giúp đỡ. Đảng bộ triển khai cụ thể, sáng tạo Nghị quyết của Đảng vào điều kiện thực tế địa phương; xác định đúng lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, tiềm năng, thế mạnh, những khâu đột phá và có lộ trình thực hiện phù hợp. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, sức mạnh đoàn kết các dân tộc được phát huy. Cấp ủy, chính quyền các cấp không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Đội ngũ cán bộ đảng viên, công chức, viên chức đạt chuẩn, được đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện thực tiễn đủ năng lực, bản lĩnh, chủ động thực thi công vụ. Các phong trào thi đua yêu nước, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác được phát động thiết thực hiệu quả.

2. Hạn chế, khuyết điểm

Tăng trưởng kinh tế cao nhưng chưa thực sự hiệu quả, bền vững, quy mô nền kinh tế còn nhỏ; liên kết các ngành, địa phương trong sản xuất chưa nhiều.

Trình độ công nghệ sản xuất công nghiệp thấp; công nghiệp hỗ trợ, sản xuất hàng tiêu dùng và các ngành sản xuất sử dụng nhiều lao động phát triển chậm. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp quy mô nhỏ, phân tán. Sản xuất nông nghiệp hàng hóa, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có chất lượng với quy mô lớn chưa nhiều. Chuyên đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi chậm, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn nhiều khó khăn. Xuất nhập khẩu không ổn định, sản phẩm xuất khẩu của tỉnh chưa nhiều, số lượng nhỏ. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là nguyên liệu thô giá trị gia tăng thấp. Tốc độ phát triển du lịch cao nhưng hiệu quả kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế về tài nguyên du lịch của tỉnh. Sản phẩm du lịch chưa phong phú, công tác quản lý, chất lượng dịch vụ, nguồn nhân lực du lịch chưa đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch bền vững.

Thị trường về tài chính chưa phát triển, thị trường lao động chưa cân đối cung cầu, thị trường bất động sản không ổn định. Doanh nghiệp quy mô chủ yếu nhỏ và vừa, công nghệ sản xuất, trình độ quản trị chưa đáp ứng yêu cầu. Thu hút FDI còn khó khăn.

Kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị, giao thông, thương mại, du lịch còn thiếu; tiến độ một số dự án trọng điểm chậm.

Chất lượng giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Đời sống của một bộ phận Nhân dân vẫn còn nhiều khó khăn, giảm nghèo chưa thực sự bền vững.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội diễn biến phức tạp. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng chưa mạnh.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở một số địa phương chưa thực sự đổi mới, một số phong trào hoạt động chưa sâu rộng.

Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm: Những khó khăn vốn có của tỉnh miền núi, biên giới chưa được khắc phục. Nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân còn hạn chế. Tiếp cận khoa học công nghệ, cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn chậm. Việc thực hiện ba đột phá chiến lược chưa thực sự đáp ứng yêu cầu về hạ tầng, nguồn nhân lực. Nguồn lực đầu tư từ bên ngoài gặp khó khăn, nguồn nội lực có giới hạn. Môi trường đầu tư còn có mặt chưa tốt. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thực sự trách nhiệm, năng động, sáng tạo.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, Thường xuyên chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; gắn kết chặt chẽ việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Phát huy dân chủ, thống nhất cao trong xây dựng chủ trương, nghị quyết; chủ động, sáng tạo, trách nhiệm trong lãnh đạo, điều hành; tạo đồng thuận trong Nhân dân, huy động sức mạnh tổng hợp để thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Tăng cường năng lực, bản lĩnh chính trị của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ. Quan tâm công tác cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp, gắn quy hoạch với luân chuyển, đào tạo cán bộ.

Hai là, Thường xuyên nghiên cứu lý luận, coi trọng tổng kết thực tiễn, kịp thời phát hiện những vấn đề mới, bất cập để điều chỉnh, bổ sung và có giải pháp phù hợp. Sâu sát trong lãnh đạo, chỉ đạo, tập trung vào các lĩnh vực, địa phương trọng điểm đưa ra các chủ trương, chính sách kịp thời, đảm bảo phát huy động lực cho phát triển. Chủ động đề xuất với Trung ương để thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh; chủ động hợp tác với các địa phương trong, ngoài nước và các tổ chức quốc tế. Luôn gắn kết sự phát triển của tỉnh trong mối quan hệ, liên kết với vùng, cả nước và khu vực, quốc tế. Kế thừa kinh nghiệm lãnh đạo, đánh giá đúng tiềm năng - lợi thế, khó khăn - thách thức và bám sát yêu cầu thực tiễn, đề ra nhiệm vụ chính trị, xác định và lựa chọn các nội dung trọng tâm để tập trung chỉ

đạo tạo đột phá.

Ba là, Trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt, trách nhiệm, thực hiện tốt công tác dự báo, kịp thời nắm bắt các xu hướng phát triển mới của đất nước và thế giới để điều chỉnh linh hoạt, kịp thời, tránh tụt hậu. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, khuyến khích thu hút các dự án quy mô lớn, nhà đầu tư chiến lược, tạo điều kiện khởi nghiệp, sáng tạo và cơ hội công hiến, phát triển cho đội ngũ doanh nhân.

Bốn là, Quan tâm phát triển, giải quyết hài hòa lợi ích chính đáng của các tầng lớp trong xã hội, các dân tộc, địa bàn đặc biệt khó khăn với những bước đi phù hợp, khả thi. Chú trọng xây dựng văn hóa trong kinh tế, chính trị. Coi trọng phát triển nguồn nhân lực, phát triển con người toàn diện, khắc phục tình trạng trông chờ, ỷ lại của một bộ phận Nhân dân. Xây dựng, phát hiện, nhân rộng những điển hình tiên tiến, nhân tố mới tích cực trên các lĩnh vực.

Năm là, Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng và củng cố hệ thống chính trị với phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường; mở rộng quan hệ với các địa phương trong và ngoài nước trên tất cả các lĩnh vực; xây dựng biên giới hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2020-2025

Trên thế giới, tình hình sẽ tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch, xung đột thương mại gia tăng; quan hệ kinh tế thế giới có nhiều biến động, tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng và xung đột; cạnh tranh địa chính trị, tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ, nhất là biển đảo, cạnh tranh về nguồn lực trên thế giới vẫn là thách thức lớn đối với nhiều nước; những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh mạng, an ninh nguồn nước, dịch bệnh, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp. Song hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, toàn cầu hóa được đẩy mạnh, hội nhập quốc tế ngày một sâu rộng. Kinh tế thế giới tiếp tục phát triển, khoa học công nghệ có những tiến bộ, đột phá, trong đó có cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ tạo sự phát triển nhảy vọt trên các lĩnh vực.

Trong nước, sau 35 năm đổi mới, thế và lực của đất nước ngày càng vững mạnh, uy tín quốc tế của Việt Nam ngày càng được nâng cao; kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu, rộng với kinh tế thế giới, nhất là với các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Sự nghiệp đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng mang lại niềm tin lớn trong Nhân dân. Dự báo tăng trưởng kinh tế nước ta tiếp tục giữ được đà tăng trưởng, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh nền kinh tế sẽ tăng lên; kinh tế tư nhân phát triển mạnh; quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh. Song bốn nguy cơ mà Đảng ta chỉ ra còn tồn tại. Tham nhũng, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ vẫn diễn ra phức tạp. Khoảng cách giàu - nghèo, phân hóa xã hội có

xu hướng gia tăng. Các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường âm mưu và hoạt động “diễn biến hòa bình” chống phá Đảng, Nhà nước và đất nước ta.

Trong tỉnh, những thành tựu qua 30 năm tái lập tỉnh khá toàn diện trên mọi lĩnh vực; vị trí, vai trò của Lào Cai trong khu vực Tây Bắc và trên hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh được khẳng định; kinh tế cửa khẩu tăng trưởng đột phá; nhiều dự án trọng điểm về công nghiệp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, các dự án chế biến sâu khoáng sản, cơ sở dịch vụ hiện đại tiếp tục được đầu tư; khu du lịch Sa Pa, Bắc Hà, thành phố Lào Cai ngày càng hấp dẫn thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Đảng và Nhà nước tiếp tục có những chủ trương, chính sách ưu tiên, tập trung phát triển khu vực vùng núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tuy nhiên, kinh tế của tỉnh còn nghèo, thiếu nguồn nhân lực cho phát triển. Biến đổi khí hậu diễn ra nhanh hơn, trực tiếp, gay gắt hơn; thiên tai và dịch bệnh nguy hiểm có nguy cơ xảy ra cao. An ninh nông thôn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp; đô thị phát triển mạnh, trật tự an toàn xã hội đặt ra nhiều thách thức.

Tình hình dự báo trên tạo ra cả thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, đòi hỏi toàn Đảng bộ phát huy trí tuệ, trách nhiệm, năng động, sáng tạo, tranh thủ thời cơ, khai thác thuận lợi, khắc phục khó khăn lãnh đạo thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ của tỉnh giai đoạn 2020 - 2025.

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ thường xuyên, then chốt. Phát triển công nghiệp là nền tảng quan trọng; phát triển thương mại - du lịch, dịch vụ là đột phá; phát triển nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới là trọng tâm. Xây dựng Lào Cai phát triển toàn diện trở thành trung tâm, cầu nối giao thương kinh tế, đối ngoại giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc; trọng điểm về phát triển du lịch, dịch vụ, công nghiệp luyện kim, hóa chất, sản xuất nông nghiệp sạch, dược liệu của cả nước. Trung tâm nghiên cứu, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc vùng Tây Bắc.

Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; xây dựng gia đình no ấm, tiên bộ và hạnh phúc. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao, thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo vệ môi trường bền vững. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị. Đến năm 2025 Lào Cai thành tỉnh phát triển của vùng Trung du, Miền núi phía Bắc.

2. Các mục tiêu chủ yếu đến năm 2025

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2021-2025 trên 10%/năm; GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt 126 triệu đồng/năm.

(2) Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: Nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 10,5%; Công nghiệp - xây dựng chiếm 45%; Dịch vụ chiếm 44,5%.

- (3) Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 72 triệu đồng/năm.
- (4) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cả giai đoạn 2021-2025 đạt 260.000 tỷ đồng.
- (5) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 đạt 15.500 tỷ đồng, bảo đảm cân đối chi thường xuyên.
- (6) Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất canh tác đến năm 2025 đạt 100 triệu đồng.
- (7) Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2025 (giá 2010) đạt trên 60.000 tỷ đồng.
- (8) Tổng lượng khách du lịch đến địa bàn năm 2025 đạt 10 triệu lượt; doanh thu du lịch đạt trên 44.500 tỷ đồng.
- (9) Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ năm 2025 đạt 50.000 tỷ đồng; giá trị xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu năm 2025 đạt 09 tỷ USD.
- (10) Tỷ lệ đô thị hóa năm 2025 đạt 35%.
- (11) Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025 là 60% tổng số xã trên địa bàn; 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.
- (12) Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia năm 2025 đạt 98%.
- (13) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2025 đạt 68%; tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục THPT và tương đương năm 2025 đạt 80%.
- (14) Đến năm 2025 Số giường bệnh trên 1 vạn dân đạt 45 giường bệnh; số bác sỹ trên một vạn dân đạt 15 bác sỹ; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể chiều cao trên tuổi dưới 26,7%, thể cân nặng trên tuổi dưới 13%.
- (15) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2025 đạt dưới 1,2%.
- (16) Tỷ lệ giảm hộ nghèo đa chiều bình quân đạt 2-3%/năm.
- (17) Đến năm 2025 Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 32%; Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp dưới 55,3%; tỷ lệ thất nghiệp dưới 1,2%.
- (18) Hàng năm, tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá đạt 86%; Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hoá đạt 80%.
- (19) Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 đạt 57%.
- (20) Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt tại các đô thị năm 2025 đạt 95%; Tỷ lệ lượng chất thải rắn sinh hoạt tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, xử lý năm 2025 đạt 80%.
- (21) Đến năm 2025 Phát triển dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đạt 80%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đạt 50%.
- (22) Hàng năm tỷ lệ các xã phường, thị trấn trở lên đạt xuất sắc trong thực hiện phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đạt trên 80%; Tỷ lệ giải quyết các vụ án đạt trên 90%. Tỷ lệ giảm tai nạn giao thông cả 3 tiêu chí (số vụ, số người chết, số người bị thương) bình quân 5%/năm.
- (23) Tỷ lệ đơn thư khiếu nại, tố cáo được thẩm tra, xác minh, kết luận và ban hành quyết định giải quyết trong thời hạn quy định đối với cấp tỉnh đạt 95%; cấp huyện đạt 90% và cấp xã đạt 80%.

(24) Tỷ lệ đảng bộ trực thuộc tỉnh, tổ chức cơ sở đảng, tổ chức Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt trên 85%.

3. Nhiệm vụ chủ yếu

Phát huy vai trò cầu nối của Lào Cai trong liên kết các tỉnh trong khu vực, trong hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, khai thác lợi thế, phát triển vùng kinh tế động lực: Khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, khu du lịch, khu đô thị. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động trong từng ngành, lĩnh vực. Tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại để thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với thực hiện các đột phá chiến lược. Xây dựng mô hình tăng trưởng theo hướng tiếp cận nền kinh tế số, phát triển dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao.

Tăng cường khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu đầu tư, giảm tỷ trọng đầu tư công, tăng đầu tư của khu vực tư nhân; đa dạng hóa các hình thức đầu tư và phương thức huy động nguồn lực, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhất là thu hút nhà đầu tư chiến lược.

Đẩy nhanh tiến độ đưa các nhà máy chế biến khoáng sản, luyện kim, thủy điện vào hoạt động. Thúc đẩy kinh tế cửa khẩu, phát triển hệ thống thương mại hiện đại, chất lượng cao ở đô thị, trung tâm du lịch, thu hút đầu tư vào hạ tầng thương mại, nhất là hạ tầng tại khu vực nông thôn, vùng khó khăn. Quy hoạch, đầu tư, xây dựng phát triển các khu du lịch với các sản phẩm du lịch bản sắc. Phát triển nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ưu tiên đầu tư cho nông thôn, tập trung hoàn thiện hạ tầng thiết yếu cho các xã khó khăn. Thúc đẩy phát triển đồng bộ các loại thị trường, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Khuyến khích khởi nghiệp, sáng tạo, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục, đào tạo theo hướng chất lượng thực chất. Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nhu cầu sử dụng lao động của tỉnh, yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát triển công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại, đồng bộ, an toàn, an ninh thông tin mạng; phát triển các loại hình báo chí chuyên nghiệp, hiện đại, đáp ứng nhu cầu thông tin của Nhân dân, bảo đảm đúng định hướng của Đảng

Phát triển văn hóa, thể thao, truyền thông, phát huy giá trị và sức mạnh văn hóa, con người, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội; phát triển sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng chăm sóc bảo vệ sức khỏe Nhân dân và chất lượng dân số; thực hiện tốt chính sách lao động, việc làm, thu nhập, chính sách với người có công và giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

Tăng cường quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng môi trường sống lành mạnh, an toàn.

Chủ động củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị; bảo đảm trật tự, kỷ cương và an toàn xã hội; mở rộng đối ngoại, hội nhập quốc tế, tạo môi trường ổn định để xây dựng và phát triển.

Phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa; bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân. Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng Đảng và chính quyền các cấp. Tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Củng cố, xây dựng chính quyền các cấp trong sạch vững mạnh; nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hoạt động tư pháp. Đề cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, gắn với tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực trong hoạt động của nhà nước và của cán bộ, công chức. Đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện trong cả hệ thống chính trị, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số.

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Thực hiện đào tạo cán bộ gắn với sử dụng, luân chuyển; quan tâm đào tạo bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ trong cán bộ, đảng viên.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng dựa chủ yếu vào khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao. Tăng tỷ trọng công nghiệp, du lịch, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu nội ngành nông nghiệp đúng hướng

Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và đẩy mạnh liên kết kinh tế

Chuyển mạnh mô hình tăng trưởng và cơ cấu sản xuất của các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp dựa trên ứng dụng những thành tựu mới của khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thực hiện cải cách mạnh mẽ về thể chế tạo động lực mới cho huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; khuyến khích và tạo điều kiện để tất cả tầng lớp nhân dân đều tham gia cống hiến vào quá trình đổi mới và phát triển tỉnh Lào Cai.

Phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, từng địa phương, phát triển các vùng kinh tế động lực Thành phố Lào Cai, Khu Kinh tế cửa khẩu, Khu Du lịch quốc gia, Khu Công nghiệp tạo nguồn lực và sức lan tỏa; phát triển sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao, có trình độ công nghệ và giá trị gia tăng cao. Tập trung ưu tiên phát triển các vùng còn nhiều khó khăn, huyện nghèo, xã nghèo.

Đẩy mạnh liên kết kinh tế với các tỉnh với vai trò Lào Cai là trung tâm kinh tế, văn hóa, đối ngoại của khu vực, là cầu nối trên tuyến hành lang kinh tế Côn Minh-

Lào Cai- Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh. Xây dựng và khai thác lợi thế phát triển Khu hợp tác kinh tế biên giới Lào Cai (Việt Nam) - Hà Khẩu (Trung Quốc).

Thực hiện thống nhất, đồng bộ quy hoạch tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn 2050. Phát triển các ngành, lĩnh vực tạo sự liên kết chặt chẽ hình thành chuỗi giá trị trong sản xuất, kinh doanh để nâng cao hiệu quả sản xuất, tính cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa trên địa bàn.

Công nghiệp là nền tảng quan trọng phát triển bền vững, khai thác hiệu quả tiềm năng thế mạnh của địa phương

Cơ cấu lại sản xuất công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến, giảm tỷ trọng công nghiệp khai thác. Giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2020 - 2025 tăng bình quân trên 12%/năm. Xây dựng nền công nghiệp phát triển bền vững, chú trọng phát triển hiệu quả chế biến sâu khoáng sản, công nghiệp vật liệu, công nghiệp phụ trợ; đồng thời, nghiên cứu, phát triển công nghiệp sử dụng nhiều lao động như gia công, điện tử, may mặc...; chú trọng áp dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến trong sản xuất để nâng cao chất lượng, hiệu quả và bảo vệ môi trường. Thúc đẩy đầu tư một số dự án công nghiệp lớn, chế biến sâu các sản phẩm như: Dây cáp đồng, cán kéo thép, chế biến chất thải gyps, phốt pho đỏ, phân bón giàu lân, phụ gia các loại,... Mở rộng công nghiệp chế biến lâm sản, dược liệu, chè, hoa quả,... Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án thủy điện đã được phê duyệt phân đầu đến năm 2025 đạt tổng công suất từ 1.350 - 1.400 MW.

Đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng, sắp xếp dân cư, mở rộng quy hoạch khu công nghiệp Tăng Loỏng đáp ứng nhu cầu đầu tư các nhà máy luyện kim, hóa chất theo quy hoạch của toàn tỉnh; thành lập mới 01 khu công nghiệp phụ trợ; nâng cao hiệu suất sử dụng đất Khu công nghiệp Duyên Hải, Đông Phố Mới. Hoàn thiện đầu tư các cụm công nghiệp hiện có, mỗi huyện có ít nhất một cụm tiểu thủ công nghiệp.

Xây dựng chiến lược phát triển công nghiệp, công nghiệp phụ trợ, tiểu thủ công nghiệp. Công nghiệp phụ trợ sản xuất phụ kiện, nguyên liệu, cơ khí, sửa chữa phát triển đồng bộ với công nghiệp và phát triển khu công nghiệp. Tiếp tục triển khai có hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp, hỗ trợ những lĩnh vực có thế mạnh gắn với chế biến nông, lâm sản tạo ra sản phẩm chất lượng tốt có khả năng cạnh tranh trên thị trường. Phát triển nghề và làng nghề như: dệt may, thêu thổ cẩm, mây tre đan, chế biến nông sản, tận dụng nguồn nguyên liệu và nhân công tại chỗ sản xuất sản phẩm phục vụ khách du lịch, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

Phát triển mạnh khu vực dịch vụ, thương mại, phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế đột phá, tạo ra nhiều việc làm, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh

Đầu tư thực hiện quy hoạch Khu du lịch Quốc gia Sa Pa đồng bộ với xây dựng thị xã Sa Pa đạt tiêu chí đô thị loại III; hoàn chỉnh quy hoạch và đầu tư Khu du lịch tỉnh đối với thành phố Lào Cai, Bắc Hà. Thực hiện quy hoạch và xây dựng khu du lịch Y Tý, huyện Bát Xát gắn với nghiên cứu di chuyển Trung tâm hành chính huyện về Y Tý. Phát triển dịch vụ, sản phẩm du lịch bản sắc, hấp dẫn.

Tập trung phát triển các loại hình du lịch như: nghỉ dưỡng, leo núi, văn hoá dân tộc, lễ hội truyền thống, sinh thái, tâm linh; xây dựng nét đẹp văn hóa truyền thống Lào Cai thành sản phẩm du lịch bản sắc, độc đáo. Hỗ trợ phát triển các điểm du lịch cộng đồng lồng ghép với xây dựng nông thôn mới. Đầu tư xây dựng cơ sở dịch vụ cao cấp, hiện đại, hấp dẫn tại các địa bàn du lịch trọng điểm: Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát, thành phố Lào Cai. Xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm hàng hóa đặc trưng của địa phương. Chú trọng hợp tác trong nước và quốc tế về du lịch; mở rộng hợp tác kết nối du lịch với Vân Nam (Trung Quốc), khai thác lợi thế Cảng hàng không Sa Pa khi hoàn thành để kết nối du lịch Sa Pa với các trung tâm du lịch lớn trong nước và quốc tế. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ hoạt động du lịch. Xây dựng thương hiệu các điểm đến du lịch an toàn, thân thiện và văn minh.

Phát triển mạnh dịch vụ chất lượng cao, hiện đại nhất là các dịch vụ có lợi thế, dịch vụ công nghệ cao như: Viễn thông, công nghệ thông tin, logistics, ngân hàng, tài chính, dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thể thao. Chú trọng dịch vụ đáp ứng yêu cầu thúc đẩy nhanh tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu, phát triển thương mại theo hướng hiện đại.

Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại hiện đại, chất lượng cao ở đô thị, trung tâm du lịch; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư kinh doanh, mở rộng thị trường tại khu vực nông thôn, vùng khó khăn bảo đảm cung ứng mặt hàng thiết yếu và đẩy mạnh thu mua sản phẩm cho nông dân. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát, giữ ổn định thị trường và tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh. Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội hằng năm là 16%.

Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu, điểm đột phá về kinh tế của tỉnh Lào Cai và các tỉnh vùng Trung du, Miền núi phía Bắc, là một trong những trung tâm giao thương của khu vực ASEAN và vùng Tây Nam - Trung Quốc. Triển khai xây dựng Khu hợp tác kinh tế biên giới Lào Cai - Hà Khẩu; tập trung đầu tư khu cửa khẩu Kim Thành, Bản Vược làm hạt nhân phát triển của Khu kinh tế cửa khẩu. Tiếp tục chú trọng triển khai các giải pháp đơn giản hóa thủ tục thông quan hàng hóa, thu hút doanh nghiệp xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu biên giới tỉnh Lào Cai. Duy trì xuất siêu hàng hóa và nâng cao tỷ trọng xuất nhập khẩu hàng hóa chính ngạch, đảm bảo tăng trưởng nhanh, ổn định.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và sắp xếp dân cư nông thôn

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tăng tỷ trọng chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp; sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hàng hóa, xây dựng thương hiệu quốc gia và chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp. Xây dựng và triển khai hiệu quả chương trình “mỗi xã một sản phẩm” (OCOP). Tích tụ, tập trung đất đai; gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Đẩy mạnh sản xuất lúa chất lượng cao, các giống cây trồng ngắn ngày có năng suất cao phù hợp điều kiện khí hậu của tỉnh. Duy trì ổn định sản lượng lương thực, đảm bảo an ninh lương thực và nhu cầu chăn nuôi của tỉnh. Thực hiện chuyển đổi hợp lý diện tích đất trồng lúa 1 vụ, đất trồng ngô và đất rừng sản

xuất kém hiệu quả sang cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao. Ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất, phát triển các cây trồng tạo sản phẩm hàng hóa quy mô tập trung, có lợi thế của tinh thay thế cho các cây trồng truyền thống giá trị thấp.

Phát triển chăn nuôi, thủy sản theo hướng tập trung, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn sinh học. Phát triển chăn nuôi tập trung đại gia súc, lợn, gia cầm ở vùng thấp; bò, lợn bản địa ở vùng cao. Khai thác mặt nước sông, hồ phát triển nuôi cá lồng, bè; phát huy lợi thế về khí hậu để phát triển thương hiệu hàng hóa cá nước lạnh của tỉnh.

Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, trong đó phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn nâng cao thu nhập là nhiệm vụ trọng tâm. Huy động có hiệu quả các nguồn lực tập trung cho các xã đăng ký về đích giai đoạn đến 2025; thường xuyên rà soát, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới của các xã đã được công nhận đạt chuẩn. Phấn đấu đến hết năm 2025 có 02 đơn vị cấp huyện hoàn thành nông thôn mới, 60% số xã của tỉnh hoàn thành nông thôn mới trong đó có 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, bình quân đạt 16,5 tiêu chí/xã.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị

Tập trung xây dựng hoàn chỉnh quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chi tiết khu đô thị, khu du lịch, quy hoạch trung tâm xã, quy hoạch khu dân cư, đảm bảo trên 80% đất dự kiến xây dựng đô thị được quy hoạch chi tiết. Lập, phê duyệt các đề án quy hoạch lớn, quan trọng: Quy hoạch vùng hai bên sông Hồng trong phạm vi tỉnh; Quy hoạch chung đô thị Y Tý - Bát Xát; điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Bắc Hà, đô thị Bảo Thắng để tiến tới thành lập các thị xã...

Đẩy mạnh xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị, cấp điện lưới quốc gia, công nghệ thông tin, viễn thông, internet. Tập trung đầu tư hạ tầng kinh tế xã hội trọng điểm, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng khu kinh tế, hạ tầng các khu du lịch, hạ tầng xây dựng nông thôn mới...; đẩy nhanh tiến độ các công trình trọng điểm của tỉnh từ nguồn vốn ngân sách và đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư. Tiếp tục đầu tư xây dựng nâng cấp các tuyến đường, ưu tiên các dự án liên kết vùng của tỉnh: Các tuyến đường kết nối Sa Pa với Bát Xát, Bảo Thắng, Văn Bàn; kết nối Bắc Hà - Si Ma Cai - Mường Khương; các tuyến kết nối với các tỉnh trong khu vực (Lai Châu, Yên Bái, Hà Giang). Hoàn thành xây dựng cầu đường bộ qua sông Hồng trên biên giới Việt - Trung tại khu vực Bản Vược; cầu Làng Giàng, cầu Phú Thịnh. Nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn vùng có tiềm năng phát triển du lịch. Tăng cường phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương huy động các nguồn lực để xây dựng hoàn chỉnh đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai theo đúng thiết kế được duyệt; đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao khổ 1.435mm Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; xây dựng hoàn chỉnh đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến Sa Pa, nâng cấp tuyến Quốc lộ 279, Quốc lộ 4D, 4E đạt tiêu chuẩn đường cấp III, cấp IV miền núi; hoàn thành giai đoạn 1 Cảng hàng không Sa Pa.

Đầu tư phát triển các đô thị trọng điểm: Thành phố Lào Cai, Sa Pa, Phố Lu, Bắc Hà, Bảo Hà, Tân An, Y Tý... Đến năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa đạt 35%. Đầu tư các dự án theo quy hoạch đảm bảo tiến độ, tạo nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng. Xây dựng thành phố Lào Cai đạt tiêu chuẩn đô thị loại I, đô thị thông minh; Sa Pa là đô thị loại III; thị trấn Phố Lu huyện Bảo Thắng, Bắc Hà huyện Bắc Hà lên đô thị loại IV; nâng cao chất lượng các đô thị loại V. Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin để triển khai thực hiện có hiệu quả kiến trúc chính quyền điện tử gắn với đô thị thông minh. Từng bước hoàn thiện hạ tầng xã hội (y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao...), đảm bảo phát triển đồng bộ các thiết chế từ tỉnh đến xã, phường.

Phát triển tài chính, tín dụng

Thực hiện cơ cấu lại đầu tư công theo hướng giảm tỷ trọng đầu tư từ ngân sách nhà nước, tăng tỷ trọng đầu tư ngoài nhà nước gắn với siết chặt quản lý, nâng cao hiệu quả đầu tư. Vận hành hiệu quả việc xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn phù hợp với kế hoạch tài chính trung hạn; tăng cường phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo sự thông thoáng và nâng cao trách nhiệm đối với các địa phương. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa đầu tư, đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Tiếp tục đẩy mạnh việc tìm kiếm, huy động, lồng ghép các nguồn lực từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn ngoài ngân sách, đặc biệt là nguồn vốn của doanh nghiệp và trong nhân dân để phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội. Phấn đấu tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 đạt 260.000 tỷ đồng.

Kết hợp hài hòa giữa khai thác với đầu tư, nuôi dưỡng, phát triển các nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn. Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên. Đẩy mạnh việc đổi mới cơ chế tài chính theo hướng khoán quỹ lương gắn với tinh giản biên chế; mở rộng cơ chế khoán kinh phí gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ; tăng cường tự chủ tài chính đối với sự nghiệp công lập; đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh. Phấn đấu đến năm 2025 thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đảm bảo được chi thường xuyên.

Sử dụng hiệu quả các quỹ tài chính nhà nước. Quản lý và kiểm soát chặt chẽ các hình thức thanh toán trực tuyến qua biên giới, các hoạt động tín dụng; nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng chuẩn mực quốc tế của hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn. Phát triển toàn diện mạng lưới ngân hàng, giai đoạn 2021-2025 tăng trưởng tín dụng khoảng 9-11%; dư nợ cho vay đạt trên 89.000 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng thương mại dưới 2%.

Phát triển thị trường và các thành phần kinh tế

Phát triển lành mạnh các loại thị trường tài chính, tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi, bình đẳng để các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính thành lập và hoạt động. Hỗ trợ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các ngân hàng chính sách. Thúc đẩy phát triển thị trường lao động, bất động sản, chú trọng thị trường hàng hóa, dịch vụ nông thôn. Thực hiện nghiêm túc các thể chế pháp luật để phát triển đầy đủ, đồng bộ thị trường bất động sản, vốn, lao động, khoa học công nghệ...

Thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo môi trường, điều kiện thuận lợi khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo. Chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần, doanh nghiệp sản xuất trong các khu công nghiệp. Chuyển đổi mạnh mẽ các đơn vị sự nghiệp có đủ điều kiện sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Tạo điều kiện thu hút nhà đầu tư chiến lược, đồng thời khuyến khích phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh. Xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư vào phát triển lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao, đầu tư vào công nghiệp chế biến sâu, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp sử dụng lao động địa phương; chính sách hỗ trợ xúc tiến đầu tư, ưu đãi thu hút đầu tư; chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Quản lý đất đai, tài nguyên

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách pháp luật về đất đai cho đội ngũ cán bộ, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh. Thực hiện điều tra cơ bản, kiểm kê, đánh giá, đo vẽ bản đồ, lập hồ sơ, xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai toàn tỉnh. Nâng cao chất lượng xây dựng và thực hiện tốt quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng hàng năm. Tăng cường kỷ cương quản lý đất đai, công khai quy hoạch sử dụng đất, quy trình giao đất, cho thuê đất, đấu giá, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng chồng lấn đất đai, tranh chấp đất đai. Khai thác hiệu quả nguồn lực từ đất cho đầu tư phát triển; sử dụng hợp lý đất đô thị phục vụ cho mục đích sử dụng đất thương mại, dịch vụ, đất công cộng, đất ở dân cư; nâng cao hiệu suất sử dụng đất nông nghiệp.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước của tỉnh. Khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên khoáng sản, nâng cao giá trị, hiệu quả khai thác, chế biến sâu khoáng sản; thực hiện cấp giấy phép khai thác thông qua hình thức đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Nâng cao hiệu lực công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; tăng cường kiểm soát các hoạt động khai thác tài nguyên, các doanh nghiệp kinh doanh dựa nhiều vào tài nguyên, kịp thời ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm.

Bảo vệ môi trường

Nâng cao năng lực giám sát về môi trường, đánh giá tác động môi trường, bảo đảm các quy hoạch, đề án, dự án phát triển phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Kiểm soát ô nhiễm môi trường, khắc phục cơ bản tình trạng hủy hoại, làm cạn kiệt tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất, khai thác khoáng sản, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tập trung xử lý môi trường khu công nghiệp Tầng Loong. Rà soát, khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chuyển đổi công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển dịch vụ bảo vệ môi trường và tái chế chất thải. Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản, các dự án san tạo mặt bằng, khai thác rừng.

Cải thiện chất lượng môi trường sống, cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân. Đẩy mạnh phong trào vệ sinh môi trường khu vực nông thôn, vùng khó khăn gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới. Cơ bản thu gom và xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt.

Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, xây dựng bản đồ ngập lụt, bản đồ rủi ro thiên tai, khí hậu theo các kịch bản. Phát triển mạng lưới quan trắc và công nghệ dự báo khí tượng thủy văn để cảnh báo, dự báo sớm các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu: Đầu tư kè sông suối chống sạt lở đất; bảo đảm an toàn hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện; đẩy mạnh trồng rừng, bảo vệ rừng; ứng dụng khoa học công nghệ về bảo tồn nguồn gen và các giống loài có khả năng bị tuyệt chủng ở Vườn Quốc gia Hoàng Liên và Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên - Văn Bàn.

Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện của biến đổi khí hậu, đặc điểm sinh thái các vùng, địa phương; bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ nặng nề của biến đổi khí hậu.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức, chủ động phòng tránh và hạn chế tác động của thiên tai, nhất là lũ ống, lũ quét, sạt lở đất và sự biến đổi bất lợi của môi trường. Tích cực hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ

Tiếp tục thực hiện thiết thực, hiệu quả đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết 29-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương 8 khóa XI. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thực chất, chuẩn hóa giáo dục vùng cao; đổi mới đồng bộ nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển giáo dục toàn diện phẩm chất và năng lực người học. Chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, nhân cách, kỹ năng sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân; phát huy tính tích cực, chủ động, năng lực sáng tạo của học sinh.

Tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh quy hoạch mạng lưới trường, lớp học. Chú trọng đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đặc biệt là giáo dục vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tập trung nâng cao chất lượng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú. Hệ thống phòng học cơ bản được kiên cố hóa. Đẩy mạnh xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường chất lượng cao, phấn đấu đến năm 2025 có đạt 68% số trường học đạt chuẩn quốc gia, 12 trường chất lượng cao.

Tăng cường hướng nghiệp cho học sinh, nâng tỷ lệ học sinh học lên trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, học nghề, phấn đấu đến năm 2025 có 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ trung học phổ thông và tương đương.

Nâng cao hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động các Trung tâm học tập cộng đồng; tích cực thực hiện xóa mù chữ và giáo dục sau xóa mù chữ. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục- đào tạo. Đổi mới đồng bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và quản lý chuyên môn, nghiệp vụ đối với giáo dục, đào tạo. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế về giáo dục, đào tạo.

Thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển nguồn nhân lực của tỉnh; ưu tiên nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cách mạng Công nghiệp lần thứ tư. Đầu tư hệ thống các trường nghề, nhất là xây dựng Trường Cao đẳng Lào Cai trở thành một trong những trường chất lượng cao của cả nước. Trường đại học tại Lào Cai đáp ứng yêu cầu công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương và khu vực. Huy động sự tham gia của doanh nghiệp trong đào tạo nghề, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Chuyển dịch cơ cấu đào tạo các trường chuyên nghiệp theo hướng phù hợp với mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, đa dạng hóa hình thức đào tạo, tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo. Phân đầu đến năm 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%; Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề trên 65%.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chú trọng nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ trong phát triển nông, lâm nghiệp, chế biến sâu khoáng sản, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học quản lý nhà nước, ngành, lĩnh vực. Nghiên cứu bảo vệ, bảo tồn các loài động vật, các giống cây trồng, cây dược liệu, vật nuôi có giá trị, các loài quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế

Phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng. Từng bước chuyển đổi số, hướng đến Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số. Đến năm 2025 cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đảm bảo thống nhất, kết nối liên thông, đồng bộ.

4. Phát triển văn hóa, thể thao, truyền thông, phát huy giá trị và sức mạnh văn hóa, con người Lào Cai

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở

Tập trung đầu tư hoàn thiện, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở: Nhà thi đấu, sân vận động, trung tâm văn hóa, nhà hoạt động thanh thiếu niên tỉnh; nhà thiếu nhi, thiết chế văn hóa, thể thao huyện; nhà văn hóa xã, nhà văn hóa thôn, bản. Ưu tiên quỹ đất, khuyến khích xã hội hóa xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao; đầu tư xây dựng công trình văn hóa lớn,

mang dấu ấn, thương hiệu của Lào Cai tại thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa. Phân đầu đến năm 2025, 100% các xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa đạt chuẩn.

Xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh

Phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, đặc trưng của các dân tộc và con người Lào Cai trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; nâng cao thể lực, tầm vóc, trí tuệ người Lào Cai, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống. Tạo môi trường và điều kiện để con người Lào Cai, đặc biệt là thế hệ trẻ phát triển toàn diện.

Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Duy trì thực hiện cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Đầu tư bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo. Chú trọng phát hiện, tuyên chọn, đào tạo tài năng trên các lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, thể dục, thể thao. Khuyến khích sáng tạo, sáng tác và quảng bá các tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao.

Tạo chuyển biến mạnh mẽ về xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể. Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân. Xây dựng văn hóa công vụ, văn hóa lãnh đạo, quản lý, tăng cường xây dựng nếp sống văn hóa trong mọi hoạt động của đời sống xã hội, xây dựng đô thị văn minh.

Phát triển thị trường dịch vụ, sản phẩm văn hóa lành mạnh, bản sắc phục vụ du lịch, quảng bá văn hóa Lào Cai và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của đông đảo các tầng lớp Nhân dân.

Phát triển hệ thống báo chí chuyên nghiệp, hiện đại; khuyến khích phát triển mạnh thông tin - truyền thông, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế

Phát triển hệ thống báo chí chuyên nghiệp, hiện đại, phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ đa phương tiện. Nâng cao chất lượng hoạt động Báo Lào Cai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, huyện; tăng cường liên kết tạo điều kiện hoạt động của các Báo, Đài trong nước. Tăng cường cơ sở vật chất hệ thống phát thanh, truyền hình cơ sở, giữ vững và nâng cao chất lượng phủ sóng, mở rộng các dịch vụ từng bước đáp ứng nhu cầu của người dân vùng cao, vùng biên giới và vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Bảo đảm 100% người dân được nghe, được xem đài phát thanh - truyền hình, được tiếp cận và khai thác mạng Internet.

Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về hoạt động báo chí, đảm bảo các quy định của Luật Báo chí, quy hoạch báo chí và các quy định có liên quan. Tăng cường hoạt động thông tin đối ngoại; làm tốt công tác tuyên truyền tạo sự đồng thuận, phấn khởi, tin tưởng trong các tầng lớp Nhân dân.

5. Thực hiện tiến bộ, công bằng và an sinh xã hội

Giảm nghèo, giải quyết việc làm; thực hiện các chương trình phát triển kinh tế gắn với giải quyết việc làm.

Triển khai đồng bộ các chương trình, giải pháp giảm nghèo, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững, ưu tiên giảm nghèo thu nhập và vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi năm 2%-3%.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách, biện pháp trợ giúp phát triển kinh tế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho hộ nghèo, cận nghèo theo hướng tạo cơ hội cho mọi người dân, nhất là nhóm yếu thế hòa nhập, tiếp cận các nguồn lực phát triển và thụ hưởng các dịch vụ cơ bản, các phúc lợi xã hội. Tuyên truyền, động viên, phát huy nội lực, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại; tích cực lao động, sản xuất, chủ động thay đổi tập quán canh tác, ứng dụng khoa học kỹ thuật, sử dụng giống mới vào sản xuất.

Thực hiện tốt các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với tạo việc làm, giải quyết việc làm, quan tâm giải quyết việc làm cho thanh niên thuộc hộ nghèo, lao động thuộc hộ tái định cư, lao động nông nghiệp chuyển đổi nghề do quá trình đô thị hoá. Sử dụng hiệu quả Quỹ quốc gia tạo việc làm, mở rộng hợp tác xuất khẩu lao động.

Thực hiện chính sách xã hội và giải quyết các vấn đề xã hội

Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp. Trợ giúp và cứu trợ xã hội kịp thời, bảo vệ, giúp đỡ mọi thành viên trong xã hội, nhất là các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương đảm bảo quyền được an sinh. Phấn đấu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân.

Huy động mọi nguồn lực xã hội cùng với Nhà nước chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người có công và gia đình người có công; khuyến khích các đối tượng này tích cực tham gia phát triển kinh tế để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, có mức sống ổn định.

Đẩy mạnh các biện pháp đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội, thực hiện đa dạng hoạt động công tác xã hội, giáo dục cộng đồng, đề cao vai trò giáo dục của gia đình đối với thanh, thiếu niên về tác hại của ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác. Đề cao trách nhiệm của gia đình và chính quyền, đoàn thể cơ sở trong quản lý, tạo việc làm, tái hoà nhập cộng đồng cho các đối tượng xã hội. Phấn đấu duy trì tỷ lệ 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để hoà nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển; tổ chức cai nghiện bằng các hình thức cho 80-90% người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý, trong đó cai nghiện tại gia đình, cộng đồng, điều trị bằng thuốc thay thế chiếm 70% trở lên; chủ động phòng chống nạn mua bán người qua biên giới.

Bảo vệ, chăm sóc nâng cao sức khỏe Nhân dân, làm tốt công tác dân số

Phát triển hệ thống y tế phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đảm bảo cho mọi người dân tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ khám, chữa bệnh tại các tuyến. Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ khám, điều trị bệnh; đẩy mạnh xã hội hóa và liên kết công - tư đầu tư trong lĩnh vực y tế. Khắc phục tình trạng quá tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh đáp ứng các nhu cầu dịch vụ y tế tự nguyện của Nhân dân. Nâng cao năng lực phòng chống dịch bệnh gắn với đổi mới, củng cố y tế cơ sở.

Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và y đức của đội ngũ y, bác sĩ, nhân viên y tế. Thu hút cán bộ y tế, nhất là bác sĩ về công tác tại vùng cao, vùng khó khăn. Đổi mới hệ thống quản lý, cơ chế hoạt động, quản lý về tài chính, nhân lực của các cơ sở y tế công, từng bước áp dụng các công nghệ hiện đại để nâng cao chất lượng và bảo đảm công bằng trong chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, các phòng khám, trung tâm tư vấn sức khỏe, mô hình “bác sĩ gia đình”, các cơ sở điều dưỡng tư nhân.

Nâng cao năng lực cạnh tranh trong cung ứng dược phẩm, sản xuất dược liệu có thể mạnh và dịch vụ y tế du lịch. Phát huy lợi thế điều kiện tự nhiên về khí hậu, thảo dược và kinh nghiệm dùng thuốc nam chữa bệnh của đồng bào dân tộc, đẩy mạnh phát triển y dược học cổ truyền để trở thành mũi nhọn trong phát triển hệ thống y tế nhất là y tế ngoài công lập.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác dân số, hướng tới mục tiêu dân số và phát triển. Thực hiện giảm sinh và duy trì mức sinh thay thế. Tăng cường truyền thông giáo dục để giảm thiểu tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, tập trung cho vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số góp phần nâng cao chất lượng dân số và có cơ cấu, quy mô dân số hợp lý.

6. Tăng cường quốc phòng; bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế

Tăng cường quốc phòng

Triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ, hiệu quả đường lối lãnh đạo của Đảng về công tác quốc phòng; trọng tâm là Chiến lược quốc phòng Việt Nam, Chiến lược biên giới quốc gia, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới... Tăng cường tiềm lực quốc phòng, xây dựng tỉnh Lào Cai thành khu vực phòng thủ vững chắc; xây dựng thành phố, các huyện, xã biên giới vững mạnh về mọi mặt; làm tốt công tác quản lý biên giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

Xây dựng lực lượng vũ trang của tỉnh theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; xây dựng lực lượng bảo vệ biên giới quốc gia đồng bộ gồm lực lượng chuyên trách, nòng cốt và toàn dân, lực lượng dân quân, tự vệ, dự bị động viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Bảo vệ an ninh quốc gia

Thực hiện hiệu quả đường lối lãnh đạo của Đảng về bảo vệ an ninh quốc gia, trọng tâm là Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Chiến lược an ninh mạng... kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, tạo môi

trường ổn định, thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” kết hợp với phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia”. Xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc, phát huy hiệu quả “Thế trận lòng dân” làm nền tảng sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, hoạt động tình báo, gián điệp. Tăng cường công tác bảo đảm an ninh trong vùng dân tộc thiểu số, trên lĩnh vực tôn giáo; đấu tranh làm thất bại âm mưu thành lập nhà nước riêng, hoạt động tuyên truyền tôn giáo trái pháp luật, ngăn chặn sự phát triển của các tà đạo, đạo lạ; chủ động giải quyết kịp thời các vụ việc phức tạp ngay từ cơ sở, từ khi mới phát sinh, không để các thế lực thù địch lợi dụng, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh trật tự.

Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước; bảo vệ an ninh kinh tế trong thời kỳ hội nhập; đảm bảo an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh thông tin, an ninh mạng trước sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, công nghệ. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện quan trọng, hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc trên địa bàn.

Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

Chủ động triển khai các biện pháp đấu tranh phòng chống tội phạm, thực hiện các Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, phòng chống ma túy, phòng chống mua bán người giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Chủ động phòng ngừa và đấu tranh kiên quyết, hiệu quả, kiềm chế sự gia tăng của tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật; triệt phá, xóa các ổ, nhóm tội phạm, tụ điểm, địa bàn phức tạp về ma túy, tệ nạn xã hội. Xây dựng địa bàn an ninh trật tự tại các khu du lịch, đô thị.

Thực hiện tốt phòng, chống cháy nổ; chủ động lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả thiên tai. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức và ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và nhân dân, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn.

Tăng cường tiềm lực an ninh, xây dựng lực lượng Công an nhân dân tinh nhuệ, từng bước hiện đại; xây dựng lực lượng trị an cơ sở, bảo vệ dân phố, công an xã chính quy đáp ứng yêu cầu công tác trong tình hình mới.

Đối ngoại và hợp tác quốc tế

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Kết hợp hài hòa giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao Nhân dân. Tăng cường các hoạt động đối ngoại, trong đó xác định hợp tác, đối ngoại về chính trị, kinh tế, văn hóa và quản lý biên giới lãnh thổ là trọng tâm; xây dựng Lào Cai trở thành địa bàn quan trọng về hợp tác và giao lưu kinh tế quốc tế của vùng và cả nước.

Phát triển quan hệ song phương, tạo niềm tin với các đối tác nước ngoài. Chú trọng củng cố và phát triển hợp tác hữu nghị với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh, văn hóa, xã hội; hợp tác khai thác hiệu quả thế mạnh về kinh tế cửa khẩu; thúc đẩy mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác với các tỉnh vùng Tây Nam, Trung Quốc. Tăng cường hoạt động giao lưu hữu nghị giữa nhân dân biên giới hai tỉnh Lào Cai (Việt Nam) - Vân Nam (Trung Quốc), cùng nhau giải quyết những vấn đề phát sinh liên quan đến công tác quản lý biên giới, lãnh thổ, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị.

Làm sâu sắc hơn và thực hiện có hiệu quả, thực chất các thỏa thuận hợp tác với các tỉnh, thành phố, các tổ chức trong nước, các địa phương, vùng lãnh thổ ngoài nước, các tổ chức quốc tế; thực hiện tốt cam kết với các đối tác, hợp tác, cùng phát triển.

7. Phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân

Củng cố, mở rộng và phát huy khối đại đoàn kết các dân tộc

Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, công tác dân vận chính quyền. Thực hiện hiệu quả, thực chất, đúng quy định hoạt động tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu các cấp với Nhân dân, tiếp xúc cử tri, cán bộ, đảng viên đi công tác cơ sở.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội theo hướng gắn bó thường xuyên, mật thiết với Nhân dân, vì quyền lợi chính đáng của Nhân dân. Tổ chức thực hiện các cuộc vận động thiết thực, hiệu quả; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và người có uy tín trong khối đại đoàn kết toàn dân.

Động viên Nhân dân tự lực, tự cường, khơi dậy sáng tạo, đồng lực để xây dựng Lào Cai phát triển

Tạo điều kiện để đội ngũ trí thức, nhà khoa học, đội ngũ doanh nhân được nâng cao nhận thức chính trị, trình độ quản lý, sáng tạo và phát huy trí tuệ, năng lực cống hiến cho sự phát triển của tỉnh.

Hoàn thiện và thực hiện đồng bộ các chính sách dân tộc gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững. Tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo chính đáng của Nhân dân và hoạt động tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết các dân tộc.

Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thấm nhuần tư tưởng lấy dân làm “gốc”, nâng cao đạo đức công vụ, học dân, gần dân, hiểu dân, dựa vào dân, có trách nhiệm với dân; nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, chống biểu hiện dân chủ cực đoan, hình thức, lợi dụng dân chủ gây mất đoàn kết nội bộ; xây dựng, củng cố lòng tin của Nhân dân với Đảng, chính quyền.

8. Củng cố, xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động tư pháp

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân các cấp

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp. Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng

nhân dân các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định để làm tốt vai trò cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương. Chú trọng về chất lượng hoạt động, năng lực, kỹ năng hoạt động của đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, phát huy tốt vai trò của đại biểu tham gia hoạch định các cơ chế, chính sách, quyết định có hiệu quả các vấn đề quan trọng của địa phương, của đất nước. Tăng cường hoạt động giám sát, tái giám sát, lựa chọn nội dung giám sát phù hợp, trọng tâm nhằm giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội mà cử tri quan tâm. Tăng cường xem xét, giám sát việc giải quyết các ý kiến kiến nghị của cử tri, kiến nghị sau giám sát của các cơ quan dân cử.

Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp. Đẩy mạnh cải cách hành chính, đề cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi nhiệm vụ, công vụ. Sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính theo hướng tinh gọn, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực, cơ cấu phù hợp theo vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, đồng thời đảm bảo cân đối tỷ lệ người địa phương, cán bộ nữ.

Nâng cao chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp về công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định của pháp luật. Tăng cường tổ chức đối thoại và tái đối thoại với công dân khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, hạn chế công dân khiếu nại vượt cấp. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan Nhà nước trong chỉ đạo, giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền, không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; chú trọng việc tổ chức gặp gỡ, đối thoại với công dân khi giải quyết khiếu nại, tố cáo; lấy hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo làm tiêu chí đánh giá năng lực, kết quả công tác.

Thực hiện tốt việc rà soát, giải quyết rút điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài. Tăng cường thanh tra trách nhiệm tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với Thủ trưởng và cán bộ, công chức có trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Tiếp tục củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý thông tin về khiếu nại, tố cáo của công dân trên địa bàn tỉnh, tránh chồng chéo trong quá trình thụ lý, giải quyết.

Phối hợp chặt chẽ với cơ quan Tòa án trong việc giải quyết các vụ việc công dân khởi kiện theo thủ tục tố tụng hành chính, bảo đảm các vụ việc được giải quyết kịp thời, đúng pháp luật.

Đẩy mạnh cải cách tư pháp

Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp và hỗ trợ tư pháp. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về cải cách tư pháp bằng nhiều biện pháp, hình thức khác nhau. Kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp

đủ về số lượng và nâng cao về chất lượng. Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, hoạt động luật sư và hỗ trợ tư pháp. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan trong thực hiện nhiệm vụ cải cách tư pháp.

9. Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng

Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng công tác tư tưởng chính trị

Quán triệt sâu sắc, thường xuyên cho cán bộ, đảng viên những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng. Đẩy mạnh giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Tăng cường bản lĩnh chính trị, quyết tâm đổi mới; nâng cao khả năng hoạch định chủ trương, chính sách, lựa chọn lĩnh vực trọng tâm chỉ đạo phù hợp với từng thời kỳ. Tiếp tục nâng cao chất lượng ban hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Thực hiện tốt công tác nghiên cứu lý luận gắn với thực tiễn của tỉnh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục lý luận chính trị trong Trường Chính trị tỉnh, trung tâm chính trị cấp huyện, các trường chuyên nghiệp, trường phổ thông. Đổi mới phương pháp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị; đổi mới học tập, quán triệt Nghị quyết, xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết theo hướng thiết thực và hiệu quả. Chú trọng công tác giáo dục truyền thống, lịch sử trong nhà trường, giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên. Tăng cường lãnh đạo và quản lý báo chí xuất bản, bảo đảm an ninh mạng. Chủ động dự báo nắm chắc tình hình, tư tưởng, dư luận xã hội; kịp thời định hướng thông tin cho cán bộ, đảng viên, hội viên và Nhân dân.

Kiên quyết, kiên trì thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị và các Quy định về nêu gương. Gắn kết chặt chẽ việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

Kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan Đảng và chính quyền. Nâng cao năng lực, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trách nhiệm, tiên phong, gương mẫu

Sắp xếp tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần các nghị quyết Trung ương 6 khoá XII, gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Sáp nhập các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo lộ trình; khuyến khích sáp nhập, tăng quy mô đơn vị hành chính các cấp ở những nơi có điều kiện.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, đánh giá, phân loại nhằm sàng lọc, đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ, công chức, viên chức không đủ năng lực, trình độ công tác; bổ sung mới đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Xây dựng đội ngũ cán bộ có cơ

cấu hợp lý, có chất lượng, có phẩm chất, năng lực uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Tạo môi trường thuận lợi, điều kiện tốt nhất để cán bộ phát huy năng lực, sở trường, dám nghĩ, dám làm, đổi mới sáng tạo và cống hiến. Tập trung lãnh đạo, thường xuyên hướng dẫn kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong công tác cán bộ; chống lạm chức, lạm quyền và chạy chức, chạy quyền.

Củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Kịp thời kiện toàn cấp ủy, luân chuyển cán bộ về các nơi có khó khăn. Làm tốt công tác tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng. Làm tốt công tác phát triển đảng viên, quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ cho đảng viên. Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, tạo chuyển biến về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, nhất là tổ chức đảng trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Xây dựng đội ngũ đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, hiểu dân, có trách nhiệm với dân, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ. Nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên.

Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, nắm và giải quyết tốt những vấn đề về chính trị hiện nay của cán bộ, đảng viên. Thực hiện chặt chẽ quy trình thẩm định lý lịch phục vụ công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo quản lý; giới thiệu ứng cử đề bầu vào các chức danh cán bộ lãnh đạo và thẩm tra hồ sơ xét đề nghị kết nạp Đảng đảm bảo tiêu chuẩn chính trị.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng

Nâng cao nhận thức thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng. Gắn công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với triển khai thực hiện nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự chuyển biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Chương trình kiểm tra, giám sát đảm bảo toàn diện việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, Chỉ thị, quy định của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước, việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc; chú trọng kiểm tra, giám sát các lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm như: công tác cán bộ, tài chính, tài sản, quản lý tài nguyên, khoáng sản, đầu tư, xây dựng, đất đai. Thực hiện kiểm tra, giám sát phải tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, thận trọng, chặt chẽ, lấy phòng ngừa là chính; làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm; đồng thời phải chú trọng phát hiện những nhân tố mới, phát huy sự năng động, sáng tạo của tổ chức đảng, đảng viên.

Tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về công tác dân vận

Tiếp tục thực hiện tốt Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị, Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Tiếp tục thực hiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình “tuyên vận” ở cơ sở.

Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của toàn xã hội, trước hết là của cấp ủy đảng, chính quyền và tổ chức chính trị - xã hội về phát huy vai trò to lớn

của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, củng cố vững chắc lòng tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của chính quyền, cụ thể hoá các chương trình, Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao hằng năm thành các nội dung cụ thể để triển khai tới các cấp, các ngành tuyên truyền vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện đạt hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với các phong trào thi đua yêu nước của Chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị phát động.

Đẩy mạnh cải cách hành chính

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong các cơ quan đảng đồng bộ với các cơ quan nhà nước, đoàn thể. Xây dựng tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động, quản lý biên chế theo vị trí việc làm. Chú trọng xây dựng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý cho cán bộ, công chức, viên chức. Đề cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi nhiệm vụ, công vụ. Hiện đại hóa hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động quản lý, điều hành trong hệ thống chính trị, phục vụ người dân, doanh nghiệp; thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong các cơ quan Đảng, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội bảo đảm thống nhất, kết nối liên thông và đồng bộ.

Kiên quyết đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí

Quán triệt, nâng cao nhận thức trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Công khai minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị để chủ động phòng ngừa tham nhũng, lãng phí. Nêu cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu; phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và Nhân dân trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác phối hợp giữa kiểm tra, giám sát của Đảng, công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, của cơ quan nhà nước với công tác giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội để nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Bảo đảm nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, mọi hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm phải được phát hiện, xử lý kịp thời, chính xác, nghiêm minh, không để lọt tội phạm, không để xảy ra oan, sai, không có vùng cấm. Xử lý nghiêm, đưa ra khỏi Đảng những cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật, bất kể là ai, ở vị trí công tác nào, đã nghỉ hưu hay còn đương nhiệm.

III. CÁC LĨNH VỰC ĐỘT PHÁ

Tiếp tục thực hiện ba đột phá chiến lược theo Nghị quyết XI, XII của Đảng phù hợp với đặc điểm kinh tế, xã hội, khai thác lợi thế, tạo đột phá phát triển, Lào Cai tập trung thực hiện các đột phá chiến lược:

(1) Phát triển kết cấu hạ tầng

Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, giao thông, du lịch, cửa khẩu, công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Xây dựng đô thị thông minh thành phố Lào Cai và đô thị Sa Pa. Phát triển, mở rộng thành phố Lào Cai được công nhận là đô thị loại I. Phát triển Sa Pa là đô thị du lịch quốc gia tầm cỡ quốc tế có vai trò hỗ trợ phát triển vùng phía Tây của Lào Cai. Quy hoạch chi tiết, đầu tư đô thị trung tâm các huyện.

Hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, tăng cường phát triển liên kết vùng; đầu tư, nâng cấp đồng bộ các tuyến tỉnh lộ, giao thông nông thôn đáp ứng yêu cầu phát triển. Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông, hạ tầng mạng viễn thông thế hệ mới, hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, trung tâm điều hành, nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu, an toàn an ninh mạng, nguồn nhân lực có kỹ năng số để triển khai hiệu quả Chính quyền điện tử, đô thị thông minh hướng đến Chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số.

(2) Phát triển nguồn nhân lực

Chú trọng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực ngành y tế, giáo dục, du lịch, công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực cả về năng lực, thể lực và phẩm chất. Chủ động trong công tác đào tạo, gắn với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế với cơ cấu lao động; Xây dựng Trường Cao đẳng Lào Cai trở thành trung tâm đào tạo nghề chất lượng cao cho tỉnh và khu vực Tây Bắc. Triển khai liên kết với các doanh nghiệp trong đào tạo nghề, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, nhất là trong các lĩnh vực đang thiếu nhân lực như: Công nghệ thông tin, du lịch, công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

(3) Phát triển du lịch, dịch vụ

Phát triển du lịch là ngành kinh tế đột phá của tỉnh, trong đó tập trung khu du lịch thị xã Sa Pa. Phát triển khu du lịch thành phố Lào Cai, Bắc Hà, Y Tý (huyện Bát Xát). Phát triển du lịch cộng đồng và các sản phẩm du lịch bản sắc.

Phát triển dịch vụ chất lượng cao, hiện đại nhất là các dịch vụ có lợi thế, dịch vụ công nghệ cao như: Du lịch, viễn thông, công nghệ thông tin, logistics, ngân hàng, tài chính, dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thể thao. Chú trọng dịch vụ phục vụ thúc đẩy nhanh tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu, phát triển ngành thương mại tỉnh Lào Cai theo hướng hiện đại.

(4) Tăng cường quản lý đất đai, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng đất, tạo nguồn thu từ đất cho đầu tư, phát triển.

Thực hiện điều tra cơ bản, kiểm kê, đánh giá, đo vẽ bản đồ, lập hồ sơ, xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai toàn tỉnh. Nâng cao chất lượng xây dựng và thực hiện tốt quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hằng năm. Tăng cường kỷ cương quản lý đất đai, công khai quy hoạch sử dụng đất, quy trình giao đất, cho thuê đất, đấu giá, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng chồng lấn đất đai, tranh chấp đất đai. Khai thác hiệu quả nguồn lực từ đất cho đầu tư phát triển.

(5) Sắp xếp, ổn định dân cư nông thôn

Thực hiện sắp xếp dân cư nông thôn phù hợp quy hoạch xây dựng nông thôn mới, tạo khu dân cư tập trung đảm bảo quy mô thôn, bản theo tiêu chí quy định nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư hạ tầng, quản lý nhà nước, chất lượng cuộc sống người dân. Huy động các nguồn lực đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng thiết yếu tại các khu, điểm tái định cư mới, các điểm dân cư hiện có để bố trí sắp xếp ổn định dân cư theo quy hoạch. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân, thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách về phát triển miền núi vùng đồng bào dân tộc.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI thể hiện ý chí và nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc Lào Cai. Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phát huy kết quả đạt được, khắc phục những yếu kém trong những năm qua, Đảng bộ tỉnh Lào Cai quyết tâm “Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân, đoàn kết, dân chủ, đổi mới, hội nhập đưa Lào Cai thành tỉnh phát triển của vùng Trung du, Miền núi phía Bắc”./.

T/M BAN CHẤP HÀNH